# **CHỦ ĐỀ 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRỒNG TRỌT**

# **BÀI 1: TRỒNG TRỌT TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ 4.0**

# **A. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

## **1. NHẬN BIẾT (9 CÂU)**

Câu 1: Có mấy thành tựu của việc ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 2: Đâu là thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt?

A. Giống cây trồng chất lượng cao

B. Chế phẩm sinh học chất lượng cao

C. Công nghệ canh tác

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3: Hệ thống trồng cây **không** dùng đất là hệ thống nào sau đây?

A. Hệ thống thủy canh

B. Hệ thống khí canh

C. Trồng cây trên giá thể

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 4: Thiết bịkhông người lái dùng để:

A. Bón phân

B. Phun thuốc

C. Thu thập dữ liệu đồng ruộng

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5: Hình ảnh nào sau đây thể hiện vai trò cung cấp lương thực, thực phẩm của ngành trồng trọt?

A. 

B. TOP 15 câu Trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 1 (có đáp án): Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Cánh diều (ảnh 1)

C. TOP 15 câu Trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 1 (có đáp án): Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Cánh diều (ảnh 1)

D. 

Câu 6: Đối với đời sống kinh tế xã hội, trồng trọt có bao nhiêu vai trò chính?

A. 3

B. 4

C. 7

D. 8

Câu 7: Vai trò: Hạn chế và đẩy lùi tình trạng thiếu lương thực, là thể hiện vai trò nào của ngành trồng trọt?

A. Cung cấp lương thực, thực phẩm

B. Cung cấp nguyên liệu chế biến

C. Cung cấp thức ăn chăn nuôi

D. Đáp án khác

Câu 8: Cho biết khái niệm nhà trồng cây là dùng để chỉ?

A. nhà lưới

B. nhà máy trồng cây

C. Nhà kính

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9: Cho biết: Người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt cần có bao nhiêu yêu cầu cơ bản?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

## **2. THÔNG HIỂU (9 CÂU)**

Câu 1: Công nghệ nào được ứng dụng đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp?

A. Công nghệ cơ giới

B. Tự động hóa

C. Công nghệ thông tin

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 2: Đồng bộ công nghệ trong sản xuất nông nghiệp giúp

A. Giảm thiểu lao động

B. Tăng độ chính xác về kĩ thuật

C. Sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3: Biểu hiện sau đây là thể hiện vai trò nào của ngành trồng trọt: "Việt Nam là một nước có thể mạnh về nông nghiệp, có nhiều sản phẩm trồng trọt tham gia xuất khẩu, mang lại nguồn ngoại tệ lớn cho đất nước. Các sản phẩm trồng trọt xuất khẩu phải kể đến như gạo, cà phê, hạt điều, hồ tiêu, chè, các loại trái cây, các loại rau xanh,..."

A. Cung cấp thức ăn chăn nuôi

B. Cung cấp nông sản xuất khẩu

C. Cung cấp nguyên liệu chế biến

D. Cung cấp lương thực, thực phẩm

Câu 4: Đâu là yêu cấu cơ bản đối với người lao động một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt?

A. + Có sức khỏe tốt + Có kiến thức và kĩ năng trồng trọt

B. + Chăm chỉ, cần cù, chịu khó trong công việc + Tuân thủ các quy định của pháp luật

C. + Tuân thủ các quy định của pháp luật + Có ý thức bảo vệ môi trường

D. Cả 3 ý trên

Câu 5: Người lao động cần thực hiện bao nhiêu yêu cấu để đáp ứng được yêu cầu cơ bản của các ngành nghề phổ biến trong trồng trọt?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 6: Đâu là những việc người lao động cần làm để đáp ứng được yêu cầu cơ bản của các ngành nghề phổ biến trong trồng trọt?

A. + Rèn luyện sức khỏe + Trau dồi kiến thức và nâng cao kĩ năng trồng trọt

B. + Tìm tòi, học hỏi hết mình trong công việc. + Tìm hiểu các quy định của pháp luật và tuân thủ

C. + Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh, giữ gìn vệ sinh môi trường và vận động những người xung quanh bảo vệ môi trường

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Hình ảnh nào sau đây thể hiện vai trò cung cấp nông sản xuất khẩu của ngành trồng trọt?

A. 

B. TOP 15 câu Trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 1 (có đáp án): Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Cánh diều (ảnh 1)

C. TOP 15 câu Trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 1 (có đáp án): Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Cánh diều (ảnh 1)

D. 

Câu 8: Hình ảnh nào sau đây thể hiện vai trò cung cấp nguyên liệu chế biến của ngành trồng trọt?

A. 

B. TOP 15 câu Trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 1 (có đáp án): Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Cánh diều (ảnh 1)

C. TOP 15 câu Trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 1 (có đáp án): Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Cánh diều (ảnh 1)

D. 

Câu 9: Hình ảnh nào sau đây thể hiện vai trò mang lại thu nhập cho người trồng trọt của ngành trồng trọt?

A. 

B. TOP 15 câu Trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 1 (có đáp án): Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Cánh diều (ảnh 1)

C. TOP 15 câu Trắc nghiệm Công nghệ 10 Bài 1 (có đáp án): Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Cánh diều (ảnh 1)

D. 

## **3. VẬN DỤNG (2 CÂU)**

Câu 1: Yêu cầu đối với người lao động của một số ngành nghề trong trồng trọt

A. Có sức khỏe tốt

B. Có kiến thức

C. Chăm chỉ, cần cù, chịu khó

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 2: Cách mạng 4.0 giúp trồng trọt

A. Năng suất tăng

B. Chất lượng tăng

C. Mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm tăng

D. Cả 3 đáp án trên

# **B. ĐÁP ÁN**

## **1. NHẬN BIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. C | 2. D | 3. D |
| 4. D | 5. A | 6. B |
| 7. A | 8. D | 9. B |

## **2. THÔNG HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. D | 2. D | 3. B |
| 4. D | 5. C | 6. D |
| 7. B | 8. C | 9. D |

## **3. VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. D | 2. D |

# **BÀI 2: PHÂN LOẠI CÂY TRỒNG**

# **A. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

## **1. NHẬN BIẾT (9 CÂU)**

Câu 1: Theo nguồn gốc, cây trồng được phân làm mấy loại?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 2: Nhóm cây trồng nào sau đây được phân loại theo nguồn gốc?

A. Nhóm cây ôn đới

B. Nhóm cây nhiệt đới

C. Nhóm cây á nhiệt đới

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3: Nhóm cây ôn đới bao gồm các loại cây có nguồn gốc ở nơi có khí hậu

A. Ôn đới

B. Nhiệt đới

C. Á nhiệt đới

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 4: Nhóm cây nhiệt đới bao gồm các loại cây có nguồn gốc ở nơi có khí hậu

A. Ôn đới

B. Nhiệt đới

C. Á nhiệt đới

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5: Nhóm cây á nhiệt đới bao gồm các loại cây có nguồn gốc ở nơi có khí hậu

A. Ôn đới

B. Nhiệt đới

C. Á nhiệt đới

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 6: Theo chu kì sống, cây trồng được phân làm mấy loại?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 7: Nhóm cây trồng nào sau đây phân loại theo chu kì sống?

A. Nhóm cây hàng năm

B. Nhóm cây lâu năm

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 8: Theo khả năng hóa gỗ của thân, cây trồng được phân làm mấy nhóm?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 9: Nhóm cây trồng nào sau đây phân loại theo khả năng hóa gỗ?

A. Nhóm cây thân gỗ

B. Nhóm cây thân thảo

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

## **2. THÔNG HIỂU (9 CÂU)**

Câu 1: Dựa vào đặc tính sinh vật học, có mấy cách phân loại cây trồng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 2: Dựa vào đặc tính sinh vật học, có cách phân loại cây trồng nào?

A. Phân loại theo chu kì sống

B. Phân loại theo khả năng hóa gỗ của thân

C. Phân loại theo số lượng lá mầm

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3: Nhóm cây trồng nào sau đây phân loại theo nguồn gốc?

A. Nhóm cây ôn đới

B. Nhóm cây hàng năm

C. Nhóm cây thân thảo

D. Nhóm cây một lá mầm

Câu 4: Nhóm cây trồng nào sau đây phân loại theo chu kì sống?

A. Nhóm cây ôn đới

B. Nhóm cây hàng năm

C. Nhóm cây thân thảo

D. Nhóm cây một lá mầm

Câu 5: Nhóm cây trồng nào sau đây phân loại theo khả năng hóa gỗ của thân?

A. Nhóm cây ôn đới

B. Nhóm cây hàng năm

C. Nhóm cây thân thảo

D. Nhóm cây một lá mầm

Câu 6: Nhóm cây trồng nào sau đây phân loại theo số lượng lá mầm?

A. Nhóm cây ôn đới

B. Nhóm cây hàng năm

C. Nhóm cây thân thảo

D. Nhóm cây một lá mầm

Câu 7: Phân loại dựa theo mục đích sử dụng có mấy loại?

A. 10

B. 9

C. 12

D. 11

Câu 8: Cho biết cây trồng: su hào, súp lơ, rau cải, khoai tây, sắn phân loại theo đặc điểm sinh học thuộc nhóm?

A. Nhóm cây một lá mầm

B. Nhóm cây lấy gỗ

C. Nhóm cây hàng năm

D. Nhóm cây lâu năm

Câu 9: Loại cây trồng nào thuộc nhóm cây công nghiệp

A. Su hào, su su, rau ngót, rau cải, bầu, bí, mướp

B. Cây đậu xanh, cây đậu phộng, đậu nành

C. Hồ tiêu, chè, điều, dừa, mía, cacao, quế,..

D. Lúa nước, khoai tây, lúa mì, khoai lang, cao lương

## **3. VẬN DỤNG (2 CÂU)**

Câu 1: Nhóm cây trồng nào thuộc nhóm cây lấy gỗ?

A. Đậu kiếm, đậu triều, cốt khí,…

B. Xoan đào, gỗ lim, gỗ bạch đàn, gỗ keo,…

C. Sắn dây, lục lạc sợi, điên điển

D. Hoàng liên chân gà, bình vôi, ba kích

Câu 2: Nhóm cây hàng năm có chu kì sống diễn ra trong bao lâu?

A. Một năm

B. Hai năm

C. Ba năm

D. Nhiều năm

# **B. ĐÁP ÁN**

## **1. NHẬN BIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. C | 2. D | 3. A |
| 4. B | 5. C | 6. B |
| 7. C | 8. B | 9. C |

## **2. THÔNG HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. C | 2. A | 3. A |
| 4. B | 5. C | 6. D |
| 7. A | 8. C | 9. C |

## **3. VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. B | 2. A |

# **BÀI 3: MỐI QUAN HỆ GIỮA CÂY TRỒNG VÀ CÁC YẾU TỐ TRONG CHÍNH TRỒNG TRỌT**

# **A. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

## **1. NHẬN BIẾT (9 CÂU)**

Câu 1: Cây trồng có mối quan hệ với mấy yếu tố chính?

A. 1

B. 3

C. 5

D. 7

Câu 2: Nhiệt độ ảnh hưởng đến mấy quá trình của cây trồng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 3: Nhiệt độ ảnh hưởng đến cây trồng như thế nào?

A. Ảnh hưởng đến quá trình sinh lí của cây trồng

B. Ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển của cây trồng

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 4: Phát biểu nào sau đây sai khi nói về ảnh hưởng của nhiệt độ đến quá trình sinh lí của cây trồng?

A. Nhiệt độ thấp làm giảm hiệu suất quang hợp

B. Nhiệt độ thấp làm giảm hiệu suất hô hấp

C. Nhiệt độ cao làm tăng hiệu suất hô hấp

D. Nhiệt độ cao làm tăng hiệu suất quang hợp

Câu 5: Ánh sáng tác động đến cây trồng thông qua mấy yếu tố?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 6: Ánh sáng tác động đến cây trồng thông qua yếu tố nào sau đây?

A. Cường độ chiếu sáng

B. Chất lượng ánh sáng

C. Thời gian chiếu sáng

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Kĩ thuật canh tác được áp dụng hợp lí kết hợp với việc chăm sóc tốt sẽ giúp cây trồng

A. Sinh trưởng, phát triển tốt

B. Phòng tránh bệnh hại

C. Cho năng suất cao

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 8: Yếu tố chính đầu tiên tác động đến cây trồng được giới thiệu trong bài học là

A. Nhiệt độ

B. Ánh sáng

C. Nước

D. Đất

Câu 9: Yếu tố chính thứ hai tác động đến cây trồng được giới thiệu trong bài học là

A. Nhiệt độ

B. Ánh sáng

C. Nước

D. Đất

## **2. THÔNG HIỂU (9 CÂU)**

Câu 1: Yếu tố chính thứ ba tác động đến cây trồng được giới thiệu trong bài học là

A. Nhiệt độ

B. Ánh sáng

C. Nước

D. Đất

Câu 2: Yếu tố chính thứ tư tác động đến cây trồng được giới thiệu trong bài học là

A. Nhiệt độ

B. Ánh sáng

C. Nước

D. Đất

Câu 3: Thành phần của cây trồng chứa bao nhiêu nguyên tố hóa học?

A. 14

B. Trên 14

C. Trên 60

D. 60

Câu 4: Có bao nhiêu nguyên tố được coi là dinh dưỡng của cây trồng?

A. 14

B. Trên 14

C. Trên 60

D. 60

Câu 5: Vai trò của đất với cây trồng là

A. Cung cấp nước cho cây

B. Dự trữ nước cho cây

C. Cung cấp dinh dưỡng cho cây

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 6: Yếu tố chính thứ năm tác động đến cây trồng được giới thiệu trong bài học là

A. Dinh dưỡng

B. Ánh sáng

C. Nước

D. Đất

Câu 7: Yếu tố chính thứ sáu tác đọng đến cây trồng là

A. Dinh dưỡng

B. Giống cây trồng

C. Kĩ thuật canh tác

D. Nhiệt độ

Câu 8: Yếu tố chính thứ bảy tác động đến cây trồng là

A. Dinh dưỡng

B. Giống cây trồng

C. Kĩ thuật canh tác

D. Nhiệt độ

Câu 9: Nếu nhiệt thấp cao sẽ ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng như thế nào?

A. Hạt khó nảy mầm, cây còi cọc; ra hoa, đậu quả, kết hạt kém

B. Cây khó tạo củ, khó uốn bắp

C. Giảm thời gian sinh trưởng

D. Hạt mất sức sống

## **3. VẬN DỤNG (2 CÂU)**

Câu 1: Trong trồng trọt, người ta thường thắp đèn cho cây thanh long nhằm mục đích gì?

A. Tập trung đủ dinh dưỡng, hoa nở đều và đẹp

B. Tăng năng suất, cây sinh trưởng và phát triển tốt

C. Hạt dễ nảy mầm, đậu quả và kết hạt tốt

D. Sinh trưởng tốt, phát triển tốt

Câu 2: Trong trồng trọt, người ta thường thắp đèn cho cây hoa cúc nhằm mục đích gì?

A. Sinh trưởng tốt, phát triển tốt

B. Tăng năng suất, cây sinh trưởng và phát triển tốt

C. Hạt dễ nảy mầm, đậu quả và kết hạt tốt

D. Tập trung đủ dinh dưỡng, hoa nở đều và đẹp

# **B. ĐÁP ÁN**

## **1. NHẬN BIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. D | 2. B | 3. C |
| 4. D | 5. C | 6. D |
| 7. D | 8. A | 9. B |

## **2. THÔNG HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. C | 2. D | 3. C |
| 4. A | 5. D | 6. A |
| 7. B | 8. C | 9. A |

## **3. VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. B | 2. D |

# CĐ2 bài 4: Thành phần và tính chất của đất trồng

### . NHẬN BIẾT (9 CÂU)

**Câu 1:** Đất trồng gồm có mấy thành phần?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:** Lượng O2 trong đất như thế nào so với trong khí quyển?

A. Ít hơn

B. Nhiều hơn

C. Như nhau

D. Không xác định

**Câu 3:** Lượng CO2 trong đất như thế nào so với trong khí quyển?

A. Ít hơn

B. Nhiều hơn

C. Như nhau

D. Không xác định

**Câu 4:** Không khí trong đất cung cấp O2 cho

A. Rễ cây

B. Hệ sinh vật đất hô hấp

C. Cả A và B đều đúng

D. Quá trình cố định đạm trong đất

**Câu 5:** Không khí trong đất cung cấp N2 cho

A. Rễ cây

B. Hệ sinh vật đất hô hấp

C. Cả A và B đều đúng

D. Quá trình cố định đạm trong đất

**Câu 6:** Tính chất của đất trồng được chia làm mấy nhóm?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 7:** Đất trồng có nhóm tính chất nào sau đây?

A. Nhóm tính chất lí học

B. Nhóm tính chất hóa học

C. Nhóm tính chất sinh học

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 8:** Nhóm tính chất lí học của đất là

A. Thành phần cơ giới của đất

B. Phản ứng dung dịch đấ

C. Hoạt động của vi sinh vật

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 9:** Nhóm tính chất hóa học của đất là

A. Thành phần cơ giới của đất

B. Phản ứng dung dịch đất

C. Hoạt động của vi sinh vật

D. Cả 3 đáp án trên

### 2. THÔNG HIỂU (9 CÂU)

**Câu 1:** Nhóm tính chất sinh học của đất là

A. Thành phần cơ giới của đất

B. Phản ứng dung dịch đất

C. Hoạt động của vi sinh vật

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:** Có mấy loại phản ứng của dung dịch đất?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 3:** Dung dịch đất có loại phản ứng nào sau đây?

A. Phản ứng chua của đất

B. Phản ứng kiềm của đất

C. Phản ứng trung tính của đất

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 4:** Đất chua có độ pH như thế nào?

A. < 6,5

B. Từ 6,5 – 7,5

C. > 7,5

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5:** Đất trung tính có độ pH như thế nào?

A. < 6,5

B. Từ 6,5 – 7,5

C. > 7,5

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 6:** Đất kiềm có độ pH như thế nào?

A. < 6,5

B. Từ 6,5 – 7,5

C. > 7,5

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 7:** Thành phần nước của đất trồng tồn tại ở dạng nào?

A. Lỏng

B. Khí

C. Rắn

D. Các dạng khác nhau

**Câu 8:** Cây trồng hấp thụ chủ yếu là gì?

A. Không khí

B. Nước

C. Chất rắn

D. Sinh vật

**Câu 9:** Keo đất là gì?

A. Là những phần tử chất rắn có kích thước dưới 1µm, không hòa tan mà ở trạng thái lơ lửng trong nước

B. Là khả năng đất có thể giữ lại các chất rắn, chất lỏng, chất khí hoặc làm thay đổi nồng độ của các chất đó trên bề mặt của hạt đất

C. Là khả năng của đất có thể cung cấp đồng thời và liên tục nước, nhiệt, khí và dinh dưỡng cho cây trồng sinh trưởng, phát triển

D. Là những phần tử chất rắn có kích thước trên 1µm, không hòa tan mà ở trạng thái lơ lửng trong nước

### 3. VẬN DỤNG (2 CÂU)

**Câu 1:** Có mấy dạng hấp thụ của đất?

A. 4 dạng

B. 5 dạng

C. 6 dạng

D. 7 dạng

**Câu 2:** Độ phì nhiêu của đất gồm những loại nào?

A. Độ phì nhiêu nhân tạo

B. Độ phì nhiêu kinh tế

C. Độ phì nhiêu tự nhiên

D. Độ phì nhiêu tự nhiên và độ phì nhiêu nhân tạo

# CĐ2 bài 5: Biện pháp cải tạo sử dụng và bảo vệ đất trồng

### 1. NHẬN BIẾT (9 CÂU)

**Câu 1:** Có mấy biện pháp bảo vệ đất trồng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:** Đâu là biện pháp giúp bảo vệ đất trồng?

A. Biện pháp canh tác

B. Biện pháp thủy lợi

C. Biện pháp bón phân

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3:** Có mấy biện pháp chính cải tạo đất xám bạc màu?

A. 1

B. 3

C. 5

D. 7

**Câu 4:** Biện pháp đầu tiên cải tạo đất xám bạc màu là:

A. Làm đất

B. Thủy lợi

C. Bón phân

D. Bố trí cơ cấu cây trồng hợp lí

**Câu 5:** Biện pháp thứ hai cải tạo đất xám bạc màu là:

A. Làm đất

B. Thủy lợi

C. Bón phân

D. Bố trí cơ cấu cây trồng hợp lí

**Câu 6:** Biện pháp thứ ba cải tạo đất xám bạc màu là:

A. Làm đất

B. Thủy lợi

C. Bón phân

D. Bố trí cơ cấu cây trồng hợp lí

**Câu 7:** Biện pháp thứ tư cải tạo đất xám bạc màu là:

A. Làm đất

B. Thủy lợi

C. Bón phân

D. Bố trí cơ cấu cây trồng hợp lí

**Câu 8:** Có mấy nguyên nhân dẫn đến đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 9:** Nguyên nhân dẫn đến đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá là gì?

A. Do khí hậu

B. Do địa hình

C. Do con người

D. Cả 3 đáp án trên

### 2. THÔNG HIỂU (9 CÂU)

**Câu 1:** Có mấy biện pháp cải tạo đất mặn?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:** Để cải tạo đất mặn, người ta dùng cách nào?

A. Thủy lợi

B. Bón vôi

C. Trồng cây chịu mặn

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3:** Đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá là:

A. Quá trình lớp đất mặt bị chuyển đi nơi khác do tác động của các yếu tố vật lí hoặc các yếu tố liên quan đến hoạt động trồng trọt

B. Đất chứa nhiều muối hòa tan

C. Đất có tiến trình hình thành sản sinh ra lượng sulfuric acid ảnh hưởng lâu dài đến đặc tính chủ yếu của đất

D. Có tính chua với pH < 4,5

**Câu 4:** Đất mặn là:

A. Quá trình lớp đất mặt bị chuyển đi nơi khác do tác động của các yếu tố vật lí hoặc các yếu tố liên quan đến hoạt động trồng trọt.

B. Đất chứa nhiều muối hòa tan

C. Đất có tiến trình hình thành sản sinh ra lượng sulfuric acid ảnh hưởng lâu dài đến đặc tính chủ yếu của đất

D. Có tính chua với pH < 4,5

**Câu 5:** Đất phèn là:

A. Quá trình lớp đất mặt bị chuyển đi nơi khác do tác động của các yếu tố vật lí hoặc các yếu tố liên quan đến hoạt động trồng trọt.

B. Đất chứa nhiều muối hòa tan

C. Đất có tiến trình hình thành sản sinh ra lượng sulfuric acid ảnh hưởng lâu dài đến đặc tính chủ yếu của đất

D. Có tính chua với pH < 4,5

**Câu 6:** Đất xám bạc màu là:

A. Quá trình lớp đất mặt bị chuyển đi nơi khác do tác động của các yếu tố vật lí hoặc các yếu tố liên quan đến hoạt động trồng trọt.

B. Đất chứa nhiều muối hòa tan

C. Đất có tiến trình hình thành sản sinh ra lượng sulfuric acid ảnh hưởng lâu dài đến đặc tính chủ yếu của đất

D. Có tính chua với pH < 4,5

**Câu 7:** Nguyên nhân hình thành của đất mòn trơ sỏi đá

A. Con người đốt rừng, phá rừng, khai thác gỗ, kĩ thuật canh tác không hợp

B. Khí hậu, lượng mưa, cường độ và thời gian mưa

C. Địa hình, dộ dốc lớn, chiều dài dốc

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 8:** Đối với đất ở miền núi phải bảo vệ bằng cách:

A. Đẩy mạnh du canh, bảo vệ vốn rừng

B. Nâng cao hiệu quả sử dụng, có chế độ canh tác hợp lí

C. Tăng cường bón phân, cải tạo thích hợp theo từng loại đất

D. Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác nông – lâm

**Câu 9:** Trong các biện pháp sau đây là biện pháp sử dụng đất hợp lý?

A. Trồng nhiều loại cây trên một đơn vị diện tích

B. Bỏ đất hoang, cách vụ

C. Sử dụng đất không cải tạo

D. Chọn cây trồng phù hợp với đất

### 3. VẬN DỤNG (2 CÂU)

**Câu 1:** Biện pháp cày nông, bừa sục, giữ nước liên tục, thay nước thường xuyên được áp dụng cho loại đất nào?

A. Đất phèn

B. Đất chua

C. Đất đồi dốc

D. Đất xám bạc màu

**Câu 2:** Mục đích của biện pháp làm ruộng bậc thang:

A. Rửa phèn

B. Giảm độ chua của đất

C. Hạn chế xói mòn

D. Tăng bề dày lớp đất trồng

# Bài 6. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất một số giá thể trồng cây

### 1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

**Câu 1:** Tên gọi chung của các vật liệu hoặc hỗn hợp các vật liệu giúp tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển bộ rễ cây trồng là

A. Xơ dừa.

B. Phân bón.

C. Giá thể.

D. Chất xúc tác.

**Câu 2:** Giá thể được chia thành mấy nhóm chính

A. 3.

B. 5.

C. 2.

D. 4.

**Câu 3:** Giá thể được chia thành các nhóm chính

A. Giá thể hữu cơ và giá thể vô cơ.

B. Giá thể nhân tạo và giá thể tự nhiên.

C. Giá thể trồng và giá thể hóa học.

D. Giá thể lỏng và giá thể rắn.

**Câu 4:** Giá thể hữu cơ có nguồn gốc từ

A. Vi sinh vật.

B. Thực vật và động vật.

C. Các loại đá, cát, sỏi.

D. Các chất hóa học.

**Câu 5:** Giá thể vô cơ có nguồn gốc từ

A. Thực vật và động vật.

B. Vi sinh vật.

C. Các loại đá, cát, sỏi.

D. Các chất hóa học.

**Câu 6:** Xơ dừa là sản phẩm chế biến từ

A. Lá dừa.

B. Quả dừa.

C. Thân cây dừa

D. Cùi dừa.

**Câu 7:** Mụn dừa chiếm bao nhiêu phần trăm trong xơ dừa

A. 85%.

B. 80%.

C. 70%.

D. 60%.

**Câu 8:** Quy trình sản xuất giá thể viên nén xơ dừa có mấy bước

A. 4.

B. 5.

C. 6.

D. 7.

**Câu 9:** Sỏi có cấu trúc

A. Xốp, nhẹ.

B. Vụn vặt.

C. Đặc khít.

D. Tổ ong gồm các lỗ rỗng, nhỏ và kín.

**Câu 10:** Quy trình sản xuất sỏi nhẹ keramzit có mấy bước

A. 9.

B. 8.

C. 7.

D. 6.

### 2. THÔNG HIỂU (15 CÂU)

**Câu 1:** Đâu không phải một loại giá thể trồng cây

A. Vỏ cây thông.

B. Quặng sắt Pirit.

C. Đá trân châu Perlite.

D. Đá khoáng Vermiculite.

**Câu 2:** Đâu không phải là giá thể hữu cơ

A. Rêu bùn than.

B. Mùn cưa.

C. Phân chuồng.

D. Sỏi nhẹ Keramzit.

**Câu 3:** Đâu không phải là giá thể vô cơ

A. Đá trân châu Perlite.

B. Đá khoáng Vermiculite.

C. Vỏ cây.

D. Sỏi nhẹ Keramzit.

**Câu 4:** Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng thân

A. Cây đậu.

B. Cây mía.

C. Cây mai.

D. Cây lá bỏng.

**Câu 5:** Ưu điểm của viên nén xơ dừa là

A. Tiết kiệm chi phí nhân công.

B. Rút ngắn thời gian chăm sóc.

C. Dễ vận chuyển, tiện dụng, thân thiện với môi trường.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 6:** Tại sao sử dụng viên nén xơ dừa giúp rút ngắn thười gian chăm sóc

A. Do trong viên nén đã được nhà sản xuất bơm vào thuốc kích thích tăng trưởng.

B. Do viên nén đã chứa đầy đủ dưỡng chất cho hạt mầm phát triển tự nhiên, tự tăng tính đề kháng chống sâu bệnh.

C. Do trong viên nén đã có các loại phân bón và thuốc trừu sâu cơ bản, giúp hạt mầm phát triển nhanh và chống lại sâu bệnh.

D. Cả B và C đều đúng.

**Câu 7:** Ưu điểm của giá thể sỏi nhẹ keramzit

A. Giữ nước, chất hữu cơ cung cấp cho cây.

B. Tránh hiện tượng ngập úng, thối rễ cây.

C. Tạo môi trường thông thoáng, sạch mầm bệnh.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 8:** Sắp xếp các bước trong quy trình sản xuất giá thể xơ dừa

(1)  Tách vỏ dừa.

(2)  Dùng máy ép nhiên liệu ép viên.

(3)  Thành phẩm.

(4)  Tách mụn dừa thô.

(5)  Chuẩn bị dừa nguyên liệu.

(6)  Ủ.

(7)  Xử lí tanin và lignin.

A. (5), (1), (4), (6), (2), (7), (3).

B. (5), (3), (2), (7), (6), (4), (1).

C. (5), (1), (4), (7), (6), (2), (3).

D. (5), (1), (4), (2), (7), (6), (3).

**Câu 9:** Sắp xếp các bước trong quy trình sản xuất sỏi nhẹ keramzit

(1)  Xử lí đất sét.

(2)  Vẽ viên.

(3)  Phơi sỏi.

(4)  Ngâm sỏi trong dung dịch dinh dưỡng.

(5)  Sử dụng.

(6)  Chuẩn bị nguyên liệu đất sét.

(7)  Nung sỏi.

(8)  Nhào đất và phối trộn.

A. (6), (1), (8), (2), (3), (7), (4), (5).

B. (6), (1), (7), (4), (3), (8), (2), (5).

C. (6), (1), (4), (3), (8), (7), (4), (5).

D. (6), (1), (2), (3), (8), (7), (4), (5).

**Câu 10:** Tại sao sỏi nhẹ keramzit có khả năng giữ nước, chất hữu cơ để cung cấp cho cây trồng

A. Vì cấu trúc của sỏi nhẹ Keramzit có nhiều lỗ thoáng khí; hút nước và lưu trữ nước bên trong rất lâu nên hệ rễ cây có thể bám và luồn lách qua các khe hở giữa những viên sỏi tròn; hút nước từ các viên sỏi giúp phát triển hệ rễ nhanh.

B. Vì sỏi nhẹ có tác dụng giống như miếng bọt biển, hút và giữ nước để sự trữ cho cây sử dụng.

C. Vì sỏi nhẹ không cho nước chảy qua, chứa nhiều khoáng chất tự nhiên.

D. Cả A và B đều đúng

**Câu 11:** Vì sao người ta sản xuất ra các loại viên nén xơ dừa có kích thước khác nhau

A. Vì tăng sự phong phú cho sản phẩm.

B. Vì tùy mục đích sử dụng khác nhau và tùy vào kích thước từng loại cây trồng

C. Vì chứa được lượng chất dinh dưỡng khác nhau.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 12:** Vì sao sử dụng viên nén xơ dừa mang lại hiệu qủa kinh tế cao hơn các loại giá thể khác

A. Viên nén xơ dừa có chứa nhiều chất dinh dưỡng tốt cho quá trình hạt nảy mầm các loại hạt giống rau, hoa,...

B. Viên nén xơ dừa dễ vận chuyển, tiện dụng, sạch sẽ và thân thiện với mỗi trưởng do không dùng tủi nylon.

C. Rút ngắn thời gian chăm sóc do viên nén đã chứa đầy đủ dưỡng chất cho hạt mầm phát triển tự nhiên, tự tăng tính để kháng chống sâu bệnh.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 13:** Tại sao sử dụng viên nén xơ dừa giúp rút ngắn thười gian chăm sóc

A. Do trong viên nén đã được nhà sản xuất bơm vào thuốc kích thích tăng trưởng.

B. Do viên nén đã chứa đầy đủ dưỡng chất cho hạt mầm phát triển tự nhiên, tự tăng tính đề kháng chống sâu bệnh.

C. Do trong viên nén đã có các loại phân bón và thuốc trừu sâu cơ bản, giúp hạt mầm phát triển nhanh và chống lại sâu bệnh.

D. Cả B và C đều đúng.

**Câu 14:** Đây là hình ảnh của loại giá thể nào



A. Vỏ cây.

B. Than tre.

C. Mùn cưa.

D. Than bùn.

**Câu 15:** Đây là hình ảnh của loại giá thể nào



A. Perlite.

B. Đất sét nung.

C. Viên nén xơ dừa dạng sỏi.

D. Trấu hun

### 3. VẬN DỤNG (4 CÂU)

**Câu 1:** Một giá thể tốt là loại có khả năng giữ nước tương đương với độ thoáng khí, và có đặc điểm

A. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

B. Có khả năng giữ ẩm, hút ẩm nhanh, thấm nước dễ dàng.

C. Có khả năng giữ độ thoáng khí.

D. Có pH trung tính và khả năng ổn định pH.

**Câu 2:** So sánh giá thể dùng để ươm cây và giá thể dùng để trồng cây. Phát biểu nào dưới đây sai

A. Giá thể dùng để ươm cây khác giá thể dùng để trồng cây vì nhu cầu đất của hạt giống và cây con, cây lớn khác nhau.

B. Cây con và hạt giống cần đất nhỏ mịn, cầu kì hơn.

C. Chi phí giá thể dùng để trồng cây đắt hơn giá thể dùng để ươm cây do nhu cầu dinh dưỡng cao hơn.

D. Cây lớn không cần đất nhỏ mịn, cầu kì như cây con.

**Câu 3:** Số giá thể hữu cơ là



A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

**Câu 4:** Số giá thể vô cơ là



A. 6.

B. 5.

C. 4.

D. 3.

### 4. VẬN DỤNG CAO (3 CÂU)

**Câu 1:** Đâu không phải loại giá thể phù hợp để trồng rau tại gia đình

A. Mụn xơ dừa

B. Đất nung Akadama.

C. Mùn cưa.

D. Than bùn.

**Câu 2:** Đâu là công thức phối trộn giá thể phổ biến

A. 60% mùn cưa đã mục + 20% phân vi sinh, rác thải hữu cơ hoai mục + 20% phân hữu cơ.

B. 40% mùn cưa đã mục + 40% phân vi sinh, rác thải hữu cơ hoai mục + 20% phân hữu cơ.

C. 50% mùn cưa đã mục + 30% phân vi sinh, rác thải hữu cơ hoai mục + 20% phân hữu cơ.

D. 40% mùn cưa đã mục + 30% phân vi sinh, rác thải hữu cơ hoai mục + 30% phân hữu cơ.

**Câu 3:** Đâu không phải công thức phối trộn giá thể phổ biến

A. 1/2 đất bột + 1/2 trấu hun + 1kg phân hữu cơ.

B. 1/3 đất bột + 1/3 trấu hun + 1kg phân hữu cơ.

C. 40% mùn cưa đã mục + 60% phân vi sinh, rác thải hữu cơ hoai mục.

D. 5 mụn dừa + 3 phân trùn quế + 2 trấu hun.

# CHỦ ĐỀ 3. PHÂN BÓN

## BÀI 7. MỘT SỐ LOẠI PHÂN BÓN THƯỜNG DÙNG TRONG TRỒNG TRỌT

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (13 CÂU)

**Câu 1:** Sản phẩm có chức năng cung cấp chất dinh dưỡng hoặc có tác dụng cải tạo đất để tăng năng suất, chất lượng cho cây trồng là

A. Chất kích thích.

B. Giá thể.

C. Phân bón.

D. Chất xúc tác.

**Câu 2:** Đâu không phải vai trò của phân bón trong trồng trọt

A. Cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết cho sự sinh trưởng, phát triển của cây trồng.

B. Cải thiện tính chất của đất trồng.

C. Tiết kiệm chi phí nhân công.

D. Làm tăng độ phì nhiêu, tơi xốp.

**Câu 3:** Vai trò của phân bón trong trồng trọt là

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Tăng khả năng giữ nước, thoát nước của đất trồng.

C. Cải thiện hệ vi sinh vật có lợi, ngăn ngừa các vi sinh vật có hại trong đất.

D. Cải thiện khả năng giữ chất dinh dưỡng của đất.

**Câu 4:** Có mấy loại phân bón được đề cập trong bài học

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

**Câu 5:** Đâu không phải một loại phân bón

A. Phân tự nhiên.

B. Phân hóa học.

C. Phân hữu cơ.

D. Phân vi sinh.

**Câu 6:** Phân bón hóa học sử dụng nguồn nguyên liệu nào

A. Nguồn nguyên liệu khác.

B. Tự nhiên hoặc tổng hợp

C. Tự nhiên.

D. Tổng hợp.

**Câu 7:** Phân hữu cơ không có nguồn gốc từ

A. Chất thải của gia súc, gia cầm.

B. Xác động, thực vật.

C. Rác thải công nghiệp.

D. Rác thải hữu cơ.

**Câu 8:** Phân vi sinh chứa loại vi sinh vật nào sau đây

A. Vi sinh vật cố định đạm.

B. Vi sinh vật chuyển hóa lân.

C. Vi sinh vật phân giải chất hữu cơ.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 9:** Bảo quản phân bón bằng cách

A. Để phân nơi cao ráo, thoáng mát, không đặt trực tiếp trên nền đất hoặc nền xi măng.

B. Không bảo quản phân bón trong các dụng cụ bằng kim loại.

C. Không để phân bón gần lửa, tránh ánh nắng trực tiếp.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 10:** Phân hữu cơ thường dùng để

A. Bón thúc.

B. Bón lót.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

**Câu 11:** Phân vi sinh thường dùng để

A. Bón thúc.

B. Bón lót.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

**Câu 12:** Loại phân nào không nê chồng nhiều lên nhau

A. Cả B và C đều đúng.

B. Phân bón dạng viên.

C. Phân bón dạng nén.

D. Cả B và C đều sai.

**Câu 13:** Vai trò của phân vi sinh là

A. Rút ngắn thời gian phát triển của cây.

B. Cả C và D đều đúng.

C. Cải tạo đất.

D. Ngăn ngừa sâu bệnh hại cho đất.

### 2. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

**Câu 1:** Phân bón hóa học khó tan trong nước là

A. Phân đạm.

B. Phân lân.

C. Phân Kali.

D. Phân tổng hợp.

**Câu 2:** Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về phân hóa học

A. Phân hóa học có hàm lượng dinh dưỡng cao hơn các loại phân bón khác.

B. Bón nhiều, liên tục phân hóa học trong nhiều năm sẽ làm cho đất bị thoái hóa.

C. Khi bón, cần tính toán lượng phân bón phù hợp với từng loại đất, từng loại cây trồng, thời điểm bón.

D. Đối với phân bón dễ tan, dùng để bón lót là chính.

**Câu 3:** Phát biểu nào dưới đây đúng khi nói về phân hữu cơ

A. Phân bón hữu cơ có tác dụng cải tạo đất, hiệu quả đạt nhanh.

B. Phân hữu cơ dùng để bón thúc là chính nhưng trước khi sử dụng cần phải ủ cho loại mục.

C. Thành phần và tỉ lệ chất dinh dưỡng của phân không ổn định (tùy thuôc vào nguồn gốc).

D. Phân bón hữu cơ chỉ nuôi dưỡng cây trồng.

**Câu 4:** Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về phân vi sinh

A. Phân vi sinh chứa đa dạng các yếu tố dinh dưỡng như: P2O5, Ca, Mg, S,…

B. Chủ yếu dùng để bón thúc, rải xung quanh gốc cây hoặc trộn vào đất trước khi trồng.

C. Phân có thời hạn sử dụng ngắn do khả năng sống và thời gian tồn tạo của vi sinh vật phụ thuộc vào điều kiện ngoại cảnh.

D. Phân vi sinh có tác dingj cải tạo đất, ngăn ngừa sâu bệnh hại trong đất.

**Câu 5:** Phát biểu nào dưới đây đúng khi nói về bảo quản phân bón

A. Đối với phân dễ chảy nước hoặc bay hơi, cần bảo quản kín, hạn chế tối đa để phân tiếp xúc với không khí.

B. Đối với phân hữu cơ, cần che phủ kín.

C. Đối với phân vi sinh không nên bảo quản quá 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 6:** Loại phân nào dùng chủ yếu để bón lót

A. Phân Kali.

B. Phân lân.

C. Phân tổng hợp.

D. Phân đạm.

**Câu 7:** Phân hữu cơ đã ủ có đặc điểm

A. Màu nâu.

B.  Màu nâu đen.

C. Xốp.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 8:** Loại phân nào khi đốt có mùi khai

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Phân Kali.

C. Phân đạm.

D. Phân lân.

**Câu 9:** Vì sao bón nhiều phân hóa học, bón liên tục nhiều năm sẽ làm cho đất thoái hóa

A. Bón quá nhiều phân hoá học sẽ dẫn đến tình trạng “dư thừa” mà thực vật không thể hấp thu hết. Chúng lưu lại trong đất, qua phân giải chuyển hoá chúng biến thành những hợp chất gây ô nhiễm cho mạch nước ngầm và các dòng sông.

B. Vì bón quá nhiều phân hóa học tốn kém về kinh tế.

C. Vì bón quá nhiều phân hóa học kiến đất bị cứng, chai sạn, dẫn đến không thể tiếp tục canh tác.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 10:** Vì sao phân hữu cơ dùng để bón lót là chính

A. Vì hiệu quả chậm và những chất hữu cơ trong phân phải qua quá trình khoáng hóa thì cây mới sử dụng được.

B. Vì phân hữu cơ chứa nhiều chất dinh dưỡng nhất, bón sớm sẽ giúp cây phát triển tốt hơn

C. Cả A và B đều sai

D. Cả A và B đều đúng

### 3. VẬN DỤNG (2 CÂU)

**Câu 1:** Vì sao không nên bón lót nhiều phân đạm, phân kali cho cây trồng

A. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

B. Nếu bón nhiều đạm thì cây trồng phát triển quá mức, lượng nước trong cây lớn nên cây yếu.

C. Nếu bón nhiều đạm thì cây trồng có thể bị ngộ độc nitrat.

D. Bón quá nhiều phân kali cây không hấp thụ được hết, bị rửa trôi gây thiệt hại về kinh tế.

**Câu 2:** Vì sao không được trộn phân vi sinh với các loại phân hóa học hay tro bếp

A. Vì trộn phân vi sinh với các loại phân hóa học lượng chất dinh dưỡng quá nhiều, cây không hấp thụ được hết dẫn đến lãng phí.

B. Vì trộn phân vi sinh với các loại phân hóa học sẽ xảy ra phản ứng hóa học, phân bón hóa học sẽ bị biến đổi thành các chất khác, không còn khả năng cung cấp chất dinh dưỡng.

C. Vì trộn phân vi sinh với các loại phân hóa học hay tro bếp khi sử dụng sẽ làm chết vi sinh vật.

D. Cả B và C đều đúng.

### 4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

**Câu 1:**Chỉ số 25 - 25 -5 trên bao bì khối lượng tịnh 50 kg cho biết điều gì

A. Thành phần phân kali chiếm 25%, phân lân chiếm 25%, phân đạm chiếm 5%

B. Thành phần phân đạm chiếm 25%, phân lân chiếm 25%, phân kali chiếm 5%.

C.  Thành phần phân đạm chiếm 25%, phân kali chiếm 25%, phân lân chiếm 5%

D. Thành phần phân lân chiếm 25%, phân đạm chiếm 25%, phân kali chiếm 5%

**Câu 2:**Để bón 100kg N, 100kg K2O, 20kg P2O5 cho cây trồng thì cần phải bón bao nhiêu

A. 300kg NPK 25-25-5

B. 400kg NPK 25-25-5

C. 500kg NPK 25-25-5

D. 600kg NPK 25-25-5

# CHỦ ĐỀ 3. PHÂN BÓN

## BÀI 8. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI TRONG SẢN XUẤT PHÂN BÓN

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (15 CÂU)

**Câu 1:** Công nghệ sử dụng hoạt động sống của vi sinh vật để sản xuất ra các sản phẩm có giá trị phục vụ nhu cầu con người là

A. Công nghệ vi sinh vật.

B. Công nghệ tiên tiến.

C. Công nghệ vi sinh.

D. Công nghệ sinh hóa.

**Câu 2:** Đâu không phải chủng vi sinh vật được sử dụng phổ biến

A. Nhóm vi sinh vật cố định đạm.

B. Nhóm vi sinh vật chuyển hóa lân.

C. Nhóm vi sinh vật cải thiện đất.

D. Nhóm vi sinh vật phân giải callulose.

**Câu 3:** Công nghệ hiện đại được ứng dụng trong sản xuất phân bón là

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Công nghệ vi sinh.

C. Công nghệ nano.

D. Công nghệ sản xuất phân tan chậm có kiểm soát.

**Câu 4:** Có mấy chủng vi sinh vật sử dụng phổ biến

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

**Câu 5:** Ưu điểm của phân hữu cơ vi sinh là

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Chuyển hóa chất dinh dưỡng trong đất thành dạng dễ hấp thụ cho cây trồng.

C. Tăng cường khả năng chống chịu cho cây trồng.

D. Tăng lượng mùn, tăng độ phì nhiêu và giúp cân bằng pH của đất.

**Câu 6:** Đâu không phải nhược điểm của phân hữu cơ vi sinh

A. Giá thành cao.

B. Nếu bón quá liều hoặc không đúng thời điểm sẽ gây lãng phí, tồn dư kim loại nặng trong nông sản.

C. Hiệu quả chậm hơn phân hóa học.

D. Bảo quản phức tạp, hạn sử dụng ngắn.

**Câu 7:** Công nghệ sản xuất vật liệu ở kích thước siêu nhỏ cỡ nguyên tử, phân tử và siêu phân tử là

A. Công nghệ nguyên tử.

B. Công nghệ vật liệu siêu nhỏ.

C. Công nghệ nano.

D. Công nghệ lõi.

**Câu 8:** Các hạt nano trong phân bón thường được tạo thành bằng phương pháp

A. Điện phân.

B. Bắn phá nguyên tử.

C. Oxi hóa.

D. Khử hóa học.

**Câu 9:** Ưu điểm của phân bón nano là

A. Dễ phát tán, bám dính, diện tích tiếp xúc tăng.

B. Có khả năng thấm sâu vào cây trồng.

C. Tiết kiệm phân bón.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 10:** Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

“Giá thành của phân bón nano … so với các loại phân bón khác”

A. thấp.

B. cao.

C. bằng.

D. thường cao hơn hoặc bằng.

**Câu 11:** Hiệu suất sử dụng phân bón tại Việt Nam hiện nay là

A. Khoảng 40 - 45%.

B. Khoảng 35 - 40%.

C. Khoảng 60 - 65%.

D. Khoảng 55 - 60%.

**Câu 12:** Một trong những giải pháp nhằm giảm thiểu thất thoát khi sử dụng phân bón là

A. Sử dụng phân bón tan chậm có kiểm soát.

B. Sử dụng phân bón nano.

C. Sử dụng phân hữu cơ vi sinh vật.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 13:** Cấu tạo hạt phân bón tan chậm có kiểm soát gồm

A. Phần vỏ bọc là các lớp nylon sinh học và phần nhân là các nguyên tố sinh dưỡng như N, P, K, Mn, Bo, Cu,...

B. Phần vỏ bọc là các lớp polymer sinh học và phần nhân là các nguyên tố sinh dưỡng như N, P, K, Mn, Bo, Cu,...

C. Phần vỏ bọc là các lớp cutin sinh học và phần nhân là các nguyên tố sinh dưỡng như N, P, K, Mn, Bo, Cu,...

D. Phần vỏ bọc là vỏ con nhộng và phần nhân là các nguyên tố sinh dưỡng như N, P, K, Mn, Bo, Cu,...

**Câu 14:** Nhược điểm của phân bón tan chậm có kiểm soát

A. Giá thành sản xuất và giá bán cao.

B. Chủng loại chưa đa dạng.

C. Cả B và C đều đúng.

D. Quy trình bón phân phức tạp, nhiều lưu ý.

**Câu 15:** Ưu điểm của phân bón tan chậm có kiểm soát là

A. Tiết kiệm được phân bón.

B. Hạn chế gây ô nhiễm mạch nước ngầm, không khí.

C. Hạn chế gây thoái hóa đất.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

### 2. THÔNG HIỂU (5 CÂU)

**Câu 1:** So với phân bón thông thường, phân bón tan chậm có kiểm soát giảm lượng phân bón khoảng

A. 20%.

B. 40- 60%.

C. 45-60%.

D. 60%.

**Câu 2:** Vì sao một loại phân hữu cơ vi sinh thường chứa nhiều chủng vi sinh vật đặc hiệu

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Vì quy trình sản xuất phức tạp và tốn nhiều chi phí nên đã cắt bỏ bước tách các chủng vi sinh vật đặc hiệu.

C. Vì nhiều chủng vi sinh vật đặc hiệu cộng sinh với nhau, không thể tách rời.

D. Vì phân hữu cơ vi sinh được sản xuất bằng công nghệ vi sinh nhân giống vi sinh vật đặc hiệu sau đó trộn với chất nền tạo nên phân hữu cơ vi sinh chứa nhiều chủng vi sinh vật đặc hiệu.

**Câu 3:** Vì sao phân hữu cơ vi sinh lại có hạn sử dụng ngắn hơn phân hữu cơ

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Vì vòng đời của vi sinh vật ngắn.

C. Vì phân hữu cơ vi sinh chứa nhiều vi sinh vật sống, thời gian sống và tồn tại phụ thuộc điều kiện ngoại cảnh.

D. Vì trong phân hữu cơ vi sinh không thêm vào các chất bảo quản như phân hữu cơ.

**Câu 4:** Vì sao bón phân nano lại tiết kiệm được phân bón

A. Vì cùng một thể tích, phân bón nano chứa lượng chất dinh dưỡng nhiều hơn các loại phân bón khác.

B. Vì phân bón nano có kích thước siêu nhỏ dễ phân tám, bám dính, diện tích tiếp xúc tăng và có khả năng thấm sâu vào cây trồng và tỉ lệ hấp thu dinh dưỡng của cây đối với loại phân này rất cao, đạt đến 90% mà phân bón thông thường cây chỉ hấp thụ tối đa 50%.

C. Cả B và A đều đúng.

D. Cả B và A đều sai.

**Câu 5:** Vì sao các chất dinh dưỡng trong hạt phân tan chậm có kiểm soát không tan ngay vào dung dịch đất sau khi bón

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều sai.

B. Vì phân bón tan chậm có kiểm soát có chương trình tan do con người kiểm soát.

C. Vì phân bón tan chậm có kiểm soát làm từ các hợp chất khó tan, cung cấp chất dinh dưỡng từ từ cho cây.

D. Vì phân bón tan chậm có kiểm soát có lớp vỏ bọc là các lớp polymer giúp kiểm soát mức độ tan của phân bón phù hợp với các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

### 3. VẬN DỤNG (2 CÂU)

**Câu 1:**Nhóm toàn phân bón nano là

A. Phân bón lá Nano Kẽm Chelate, Phân bón lá Nano Thái, Phân bón lá Nano Lào.

B. Phân bón lá Nano Bạc Đồng, Phân bón lá Nano Gold, Phân bón lá Nano AHT.

C.  Phân bón lá Nano Bạc Đồng, Phân bón lá Nano Kẽm Chelate, Phân bón Nano Carbon.

D. Phân bón lá Nano Gold, Phân bón Nano Carbon, Phân bón lá Nano Bạc Đồng

**Câu 2:**Đâu không phải phân bón tan chậm có kiểm soát

A. Phân bón Rynan Flowermate 230 (NPK 23-08-8 + TE + CHITOSAN).

B. Phân tổng hợp NPK.

C. Phân Bón Thông Minh Rynan Flowermate 210 (NPK 22-10 10+TE+ CHITOSAN).

D. Phân Bón Thông Minh Rynan Flowermate 200 (NPK 31-08-08+ CHITOSAN).

### 4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

**Câu 1:** Phân Bón Thông Minh Rynan Flowermate 200 (NPK 31-08-08+ CHITOSAN) có thành phần là

A. Đạm tổng số (N) 31%, lân hữu hiệu (P2O5) 08%, kali hữu hiệu (K2O) 08% và CHITOSAN 2%.

B. Đạm tổng số (N) 31%, lân hữu hiệu (P2O5) 08%, kali hữu hiệu (K2O) 08% và CHITOSAN 53%.

C. Đạm tổng số (N) 31%, lân hữu hiệu (P) 08%, kali hữu hiệu (K) 08% và CHITOSAN 53%.

D. Đạm tổng số (N) 31%, lân hữu hiệu (P) 08%, kali hữu hiệu (K) 08% và CHITOSAN 2%.

**Câu 2:** Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về phân bón lá Nano AHT

A. Thành phần dinh dưỡng gồm molipden, bạc nano, nano chitosan, phụ gia và dung môi.

B. Công dụng thẩm thấu sâu vào từng tế bào thực vật giúp trị hoàn toàn bệnh do nấm và vi khuẩn hại cây

C. Hưỡng dẫn sử dụng: pha 20 ml với 16 lít nước khi dùng phun cho cây cảnh, pha 15ml với 16 lít nước khi dùng phun cho hoa kiểng.

D. Thích hợp dùng cho cây cảnh và hoa kiểng.

# CHỦ ĐỀ 4. CÔNG NGHỆ GIỐNG CÂY TRỒNG

## BÀI 9: GIỐNG CÂY TRỒNG

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

**Câu 1:** Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

“Giống cây trồng là một (1)………..  cây trồng có thể phân biệt được với quần thể cây trồng khác thông qua sự biểu hiện của ít nhất là một đặc tính và (2)……… được cho đời sau; đồng nhất về (3)………., ổn định qua các chu kỳ nhân giống; có giá trị canh tác, giá trị sử dụng; bao gồm giống cây nông nghiệp, giống cây dược liệu, giống cây cảnh và giống nấm ăn.”

A. (1) quần thể; (2) di truyền; (3) kiểu gene.

B. (1) quần thể; (2) biểu hiện thành kiểu hình; (3) hình thái.

C. (1) quần thể; (2) di truyền; (3) hình thái.

D. (1) quần xã; (2) di truyền; (3) hình thái.

**Câu 2:** Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

“Giống cây trồng là một quần thể cây trồng có thể phân biệt được với quần thể cây trồng khác thông qua sự biểu hiện của ít nhất là (1)………. đặc tính và di truyền được cho đời sau; đồng nhất về hình thái, ổn định qua các (2)……….; có giá trị canh tác, giá trị (3)………; bao gồm giống cây nông nghiệp, giống cây dược liệu, giống cây cảnh và giống nấm ăn.”

A. (1) một; (2) đời; (3) sử dụng.

B. (1) hai; (2) chu kì nhân giống; (3) kinh tế.

C. (1) một; (2) chu kì nhân giống; (3) sử dụng.

D. (1) hai; (2) chu kì nhân giống; (3) kinh tế.

**Câu 3:** Các đặc điểm giống cây trồng phụ thuộc vào

A. Gene và môi trường.

B. Gene.

C. Thế hệ lai.

D. Gene, môi trường và thế hệ lai.

**Câu 4:** Đâu không phải vật liệu nhân giống cây trồng được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp

A. Lá.

B. Hoa.

C. Thân.

D. Tế bào thực vật.

**Câu 5:** Vật liệu nhân giống cây trồng được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp là

A. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

B. Hạt.

C. Củ.

D. Rễ.

**Câu 6:** Đâu không phải vai trò của giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp

A. Tăng năng suất cây trồng.

B. Dễ chuyên canh.

C. Hạn chế được sâu bệnh và yếu tố bất lợi của môi trường.

D. Dễ cơ giới hóa.

**Câu 7:** Đâu không phải vai trò của giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp

A. Tăng được số vụ trồng trong một năm, luân canh cây trồng.

B. Dễ cơ giới hóa.

C. Thuận tiện hơn trong việc thu hoạch.

D. Hạn chế được sâu bệnh và yếu tố bất lợi của môi trường.

**Câu 8:** Có mấy loại giống cây trồng

A. 3.

B. 5.

C. 2.

D. 4.

**Câu 9:** Đâu là một loại giống cây trồng

A. Giống cây nông nghiệp.

B. Giống cây cảnh.

C. Giống nấm ăn.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 10:** Đâu là một loại giống cây trồng

A. Giống cây ăn quả.

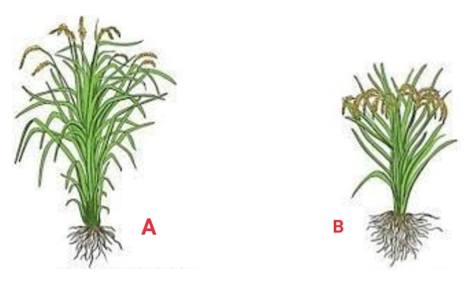
B. Giống cây dược liệu.

C. Giống cây leo.

D. Giống cây lấy củ.

### 2. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

**Câu 1:** Đâu là giống lúa ngô được chọn những năm gần đây



A. A.

B. B.

C. Cả A và B.

D. Cả A và B đều sai.

**Câu 2:** Giống lúa và ngô được chọn những năm gần đây thường có thế lá đứng giúp

A. Các lá đều nhận được nhiều ánh sáng.

B. Lá phí trên ít che mất ánh sáng của lá phía dưới.

C. Tăng mật độ cây trồng.

D. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

**Câu 3:** Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng hạt

A. Cây mía.

B. Cây bàng.

C. Cây lúa.

D. Cây lá bỏng.

**Câu 4:** Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng thân

A. Cây đậu.

B. Cây mía.

C. Cây mai.

D. Cây lá bỏng.

**Câu 5:** Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng lá

A. Cây mai.

B. Cây mía.

C. Cây đậu.

D. Cây lá bỏng.

**Câu 6:** Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng rễ

A. Cây mía.

B. Cây mai.

C. Cây lá bỏng.

D. Cây đậu.

**Câu 7:** Cây trồng nào sau đây nhân giống bằng củ

A. Đậu bắp.

B. Cây bàng

C. Sen đá

D. Khoai tây.

**Câu 8:** Hình ảnh nào sau đây không có gen Bt kháng sâu

A. Cả C và D đều đúng.

B. Cả C và D đều sai.

C.

D.

**Câu 9:** Hình ảnh nào sau đây cho thấy giống lúa chịu hạn

A.

B. 

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

**Câu 10:** Cây khoai lang nhân giống bằng

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

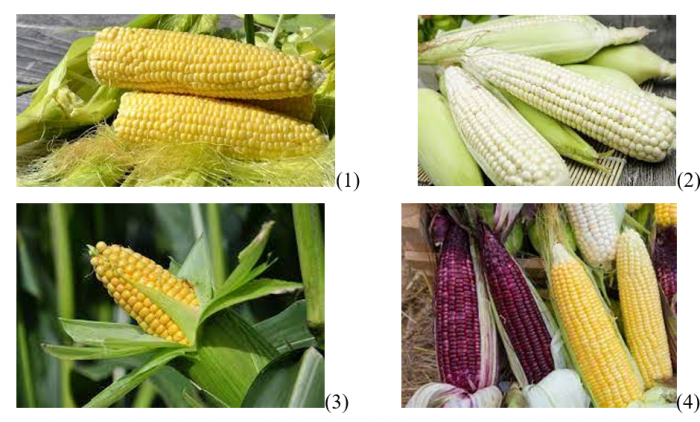
B. Củ.

C. Thân.

D. Hạt.

### 3. VẬN DỤNG (4 CÂU)

**Câu 1:** Cho các hình sau. Phát biểu nào dưới đây không đúng



A. Hình (1) và (2) là cùng một giống ngô ở những thời kì khác nhau.

B. Hình (1) và (3) là cùng một giống ngô.

C. Hình (4) có 3 giống ngô khác nhau.

D. Hình 4 có giống ngô ở hình (1), (2), (3).

**Câu 2:** Dưới đây là hình ảnh một số cây và quả của chúng. Cho biết số cây có quả khác nhau do điều kiện môi trường



A. 3.

B. 4.

C. 1.

D. 2.

**Câu 3:** Dưới đây là hình ảnh một số cây và quả của chúng. Cho biết số cây có quả khác nhau do kiểu gene



A. 3.

B. 4.

C. 1.

D. 2.

**Câu 4:** Để tạo ra một giống cây trồng mới cần tác động lên yếu tố nào

A. Gene.

B. Môi trường.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

### 4. VẬN DỤNG CAO (3 CÂU)

**Câu 1:**Đặc điểm của những giống cây trồng có thể thu hoạch bằng máy là

A. Thân leo.

B. Hạt rắn, chắc, không dễ bị dập nát.

C. Rễ biến dạng, lan rộng.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

**Câu 2:**Đâu không phải giống cây kháng bệnh, chịu hạn

A. Giống lúa OM5451.

B. Giống lúa Tám xoan.

C. Giống ngô nếp lai đơn VN556.

D. Giống lạc LDH.

**Câu 3:**Đâu không phải giống cây kháng bệnh, chịu hạn

A. Giống cà chua lai HT25

B. Giống táo má hồng.

C. Giống chuối tây.

D. Giống đậu tương DT84

## BÀI 10: PHƯƠNG PHÁP CHỌN, TẠO GIỐNG CÂY TRỒNG

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (15 CÂU)

**Câu 1:** Cách hình thành giống mới từ những nguồn vật liệu đã có qua thay đổi vật chất di truyền trong tế bào là khái niệm của

A. Gây giống.

B. Chọn giống cây trồng.

C. Tạo giống cây trồng.

D. Biến dị di truyền.

**Câu 2:** Chọn giống cây trồng là

A. Chọn lọc hay tuyển lựa những cây trồng đã có hoặc mới tạo ra.

B. Cách hình thành giống mới từ những nguồn vật liệu đã có qua thay đổi vật chất di truyền trong tế bào.

C. Chọn lọc hay tuyển lựa những cây trồng đã có hoặc mới tạo ra theo hướng đem lại lợi ích cho con người.

D. Chọn lọc hay tuyển lựa nguồn vật liệu đã có qua thay đổi vật chất di truyền trong tế bào.

**Câu 3:** Giống gốc là

A. Giống ban đầu trước khi được chọn lọc.

B. Giống ban đầu trước khi tham gia chọn giống.

C. Giống tự nhiên của cây trồng, chưa qua thí nghiệm hay các nghiên cứu khoa học.

D. Giống sử dụng để tạo giống cây trồng.

**Câu 4:** Giống đối chứng là

A. Giống cùng loại đó, chưa qua thí nghiêm hay các nghiên cứu khoa học.

B. Giống cùng loại đó dược trồng ở địa phương.

C. Giống ban đầu trước khi chọn lọc.

D. Giống sử dụng để tạo giống cây trồng.

**Câu 5:** Giống biểu hiện tính trạng vượt trội của con lai F1 so với bố mẹ chúng là khái niệm của

A. Giống ưu thế lai.

B. Giống hoàn thiện.

C. Giống vượt trội.

D. Giống mới.

**Câu 6:** Có mấy phương pháp chọn giống cây trồng

A. 4

B. 2.

C. 5.

D. 3.

**Câu 7:** Các phương pháp chọn giống cây trồng là

A. Phương pháp chọn lọc cá thể và phương pháp chọn lọc nhóm.

B. Phương pháp chọn tự nhiên và phương pháp chọn lọc nhân tạo.

C. Phương pháp chọn lọc hỗn hợp và phương pháp chọn lọc cá thể.

D. Phương pháp chọn lọc hỗn hợp và phương pháp chọn lọc nhóm.

**Câu 8:** Đối tượng của phương pháp chọn lọc hỗn hợp là

A. Cây nhân giống vô tính.

B. Cây tự thụ phấn.

C. Cây giao phấn.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 9:** Đối tượng của ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn giống cây trồng

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Cây tự thụ phấn.

C. Cây giao phấn.

D. Cây nhân giống vô tính.

**Câu 10:** Có mấy phương pháp tạo giống cây trồng

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

**Câu 11:** Sự giao phối giữa hai hay nhiều dạng bố mẹ khác nhau nhằm tạo ra các con lai mang nhiều tính trạng của bố mẹ là

A. Lai hữu tính.

B. Lai vô tính.

C. Lai ưu thế.

D. Lai kết hợp.

**Câu 12:** Ưu thế lai là

A. Hiện tượng con lai F1 có tính trạng vượt trội hơn bố mẹ trong lai hữu tính.

B. Hiện tượng con lai F1 có tính trạng vượt trội hơn bố mẹ trong lai vô tính.

C. Hiện tượng con lai F2 có tính trạng vượt trội hơn bố mẹ trong lai hữu tính.

D. Hiện tượng con lai F2 có tính trạng vượt trội hơn bố mẹ trong lai vô tính.

**Câu 13:** Những loại cây trồng trong tế bào sinh dưỡng có số lượng nhiễm sắc thể tăng theo bội số nguyên lần của bộ nhiễm sắc thể đơn bội được gọi là

A. Thể tam bội.

B. Thể tứ bội.

C. Đa bội thể.

D. Thể khảm.

**Câu 14:** Đâu không phải phương pháp tạo giống cây trồng

A. Lai hữu tính.

B. Đột biến gen.

C. Chuyển gen.

D. Chọn lọc tự nhiên.

**Câu 15:** Đối tượng của phương pháp chọn lọc cá thể là

A. Cây nhân giống vô tính.

B. Cây tự thụ phấn.

C. Cây giao phấn.

D. Cả A và B đều đúng.

### 2. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

**Câu 1:** Phát biểu nào dưới đây đúng khi nói về chọn lọc hỗn hợp

A. Nhược điểm của phương pháp chọn lọc hỗn hợp là tốn nhiều thời gian và diện tích đất.

B. Ưu điểm của phương pháp chọn lọc hỗn hợp là nhanh đạt được mục tiêu chọn giống và dễ thực hiện.

C. Vụ I của chọn lọc hỗn hợp cần chọn những cá thể mang tính trạng vượt trội hơn so với giống gốc.

D. Trong chọn lọc hỗn hợp, giống chọn lọc phải có tiêu chí vượt trội hơn so với giống gốc và giống đối chứng.

**Câu 2:** Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về chọn lọc cá thể

A. Ưu điểm của chọn lọc cá thể là tạo ra sự khác biệt rõ theo mục tieu chọn giống.

B. Nhược điểm của chọn lọc cá thể là tốn nhiều thời gian và diện tích đất.

C. Vụ I của chọn lọc cá thể cần chọn và để riêng những cá thể mang các tính trạng đúng theo yêu cầu đặt ra từ ruộng gốc.

D. Trong chọn lọc cá thể, nếu giống chọn lọc kém hơn giống gốc và giống đối chứng thì chọn lọc thất bại.

**Câu 3:** Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn giống cây trồng

A. Ưu điểm của ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn giống cây trồng là rút ngắn thời gian chọn được giống cây trồng sạch bệnh.

B. Nhược điểm của ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn giống cây trồng là chi phí cao.

C. Nhược điểm của ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn giống cây trồng là khó thực hiện.

D. Công nghệ nuôi cấy tế bào được sử dụng để chọn giống cây trồng sạch bệnh.

**Câu 4:** Đâu không phải ưu điểm của tạo giống cây trồng bằng phương pháp lai hữu tính

A. Dễ thực hiện.

B. Nhanh tạo ra giống mới.

C. Đặc tính di truyền ổn định.

D. Thế hệ sau tỉ lệ sinh sản cao.

**Câu 5:** Đâu không phải tác nhân gây đột biến

A. Tia bức xạ gamma từ nguồn Co-60.

B. Tia X.

C. N-Nitroso N-methylurea.

D. Urê.

**Câu 6:** Đâu không phải tác nhân gây đột biến

A. Ethylenimine.

B. Clostridium.

C. Tia phóng xạ.

D. Sodium azide.

**Câu 7:** Tạo giống cây trồng bằng phương pháp đột biến gen, tỉ lệ biến dị có lợi là

A. Khoảng 0,0001%

B. Khoảng 0,1%.

C. Khoảng 1/1000.

D. Khoảng 1/10000.

**Câu 8:** Phát biểu nào dưới đâu không đúng

A. Các tác nhân ảnh hưởng mạnh tạo nên đa bội thể là thay đỏi nhiệt độ đột ngột, tác động của hóa chất như colchicine.

B. Nhược điểm của tạo giống cây trồng bằng phương pháp đa bội thể là tỉ lệ giống bất dục cao nên hạn chế nhân giống hữu tính.

C. Ưu điểm của tạo giống cây trồng bằng phương pháp đột biến gene là đặc tính di truyền ổn định, thế hệ sau tỉ lệ sinh sản cao.

D. Ưu điểm của tạo giống cây trồng bằng phương pháp chuyển gen là nhanh đạt được mục đích chọn giống.

**Câu 9:** Phương pháp đa bội thể có thể tạo ra giống cây trồng

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Có năng suất cao, sức sống cao.

C. Tính thích ứng rộng.

D. Có khả năng chống chịu với điều kiện bất lợi.

**Câu 10:** Đâu là công cụ chuyển gen

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Vi khuẩn.

C. Súng bắn gen.

D. Plasmid.

### 3. VẬN DỤNG (4 CÂU)

**Câu 1:** Vì sao giống dưa hấu tam bội (3n) không có hạt



A. Vì người ta tạo giống cây trồng bằng phương pháp đa bội thể nên tỉ lệ bất dục cao, cây không sinh sản hữu tính.

B. Vì người ta tạo giống cây trồng bằng phương pháp đột biến gen dẫn đến cây bị bất duc, không sinh sản hữu tính.

C. Vì người ta tạo giống cây trồng bằng phương pháp đột biến gen, đã biến đổi gen có hạt thành không có hạt.

D. Vì người ta tạo giống cây trồng bằng phương pháp đa bội thể, các thể đa bội đều bất dục, không sinh sản hữu tính.

**Câu 2:** Nên áp dụng phương pháp chọn giống nào cho lúa và cây mít

A. Phương pháp ứng dụng công nghệ sinh học.

B. Phương pháp chọn lọc tự nhiên.

C. Phương pháp chọn lọc hỗn hợp.

D. Phương pháp chọn lọc cá thể.

**Câu 3:** Đâu không phải giống cây trồng đa bội thể

A. Táo tàu.

B. Hồng không hạt.

C. Chanh không hạt.

D. Sung không hạt.

**Câu 4:** Có thể nhận biết các thể đa bội bằng mắt thường thông qua những dấu hiệu

A. Các cơ quan của cây tăng.

B. Sinh trưởng phát triển mạnh, chống chịu tốt với điều kiện môi trường không thuận lợi.

C. Cơ quan sinh dưỡng to

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

### 4. VẬN DỤNG CAO (1 CÂU)

**Câu 1:** Vì sao cây trồng biến đổi gen (GMO) bị hạn chế hoặc cấm sử dụng ở nhiều quốc gia

A. Vì cây trồng biến đổi gen (GMO) gây ra những tác động tiềm ẩn lên sức khỏe con người.

B. Vì cây trồng biến đổi gen (GMO) gây hại không chủ định cho các sinh vật khác.

C. Vì nhiều trẻ em ở Mỹ và châu Âu bị dị ứng nguy hiểm khi ăn lạc và nhiều thực phẩm biến đổi gen khác.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

## BÀI 11: PHƯƠNG PHÁP NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (15 CÂU)

**Câu 1:** Quá trình làm tăng số lượng cây của loài hoặc giống cây trồng là

A. Tạo giống cây trồng.

B. Chọn lọc giống cây trồng.

C. Nhân giống cây trồng.

D. Phát triển giống cây trồng.

**Câu 2:** Có mấy phương pháp nhân giống cây trồng

A. 3.

B. 5.

C. 2.

D. 4.

**Câu 3:** Các phương pháp nhân giống cây trồng là

A. Nhân giống hữu tính và nhân giống vô tính.

B. Nhân giống nhân tạo và nhân giống tự nhiên.

C. Nhân giống biến đổi gen và nhân giống đột biến gen.

D. Nhân giống cá thể và nhân giống hỗn hợp.

**Câu 4:** Phương pháp nhân giống bằng hạt là

A. Nhân giống tự nhiên.

B. Nhân giống hữu tính.

C. Nhân giống vô tính.

D. Nhân giống nhân tạo.

**Câu 5:** Nhân giống vô tính là

A. Phương pháp tạo cây mới từ cơ quan sinh dưỡng của cây mẹ.

B. Phương pháp tạo cây mới từ cơ quan sinh sản của cây mẹ.

C. Phương pháp tạo cây mới từ thân của cây mẹ.

D. Phương pháp tạo cây mới từ lá của cây mẹ.

**Câu 6:** Phương pháp tạo cây mới từ cành vẫn còn trên cây mẹ là

A. Ghép.

B. Chiết cành.

C. Giâm cành.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 7:** Phương pháp tạo cây mới bằng cách gắn đoạn cành, mắt ghép, chồi của cây mẹ lên cây khác nhằm phát huy ưu điểm của cây mẹ và cây gốc là

A. Giâm cành.

B. Chiết cành.

C. Ghép.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

**Câu 8:** Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

“Ứng dụng công nghệ ………. có thể nhân nhanh giống cây với số lượng lớn”

A. chuyển gen.

B. nhân bản vô tính.

C. đột biến đa bội.

D. nuôi cấy mô tế bào.

**Câu 9:** Phương pháp sử dụng đonạ cành hoặc bộ phận khác (thân, rễ, lá, chồi,… ) từ cây mẹ đặt trong đất nền (đất, giá thể, dung dịch) để tạo cây mới là

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Ghép.

C. Chiết cành.

D. Giâm cành.

**Câu 10:** Có mấy phương pháp nhân giống vô tính chính

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

**Câu 11:** Phạm vi ứng dụng của phương pháp giâm cành là

A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Cây dễ ra rễ.

C. Cây lâu năm.

D. Cây không có hạt.

**Câu 12:** Phạm vi ứng dụng của phương pháp chiết cành là

A. Cả C và D đều đúng.

B. Một số loại rau.

C. Cây thân gỗ lâu năm.

D. Cây không có hạt.

**Câu 13:** Các phương pháp nhân giống vô tính chính gồm

A. Giâm cành, chiết cành, ghép, nuôi cấy mô

B. Giâm cành, ghép và nuôi cấy mô.

C. Giâm cành, chiết cành và ghép.

D. Giâm cành, chiết cành và nuôi cấy mô.

**Câu 14:** Phạm vi ứng dụng của phương pháp ghép là

A. Hầu hết các nhóm cây ăn quả, cây cảnh.

B. Cây công nghiệp lâu năm.

C. Một số loại rau.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 15:** Phương pháp nhân giống hữu tính gồm mấy bước

A. 6.

B. 4.

C. 7.

D. 5.

### 2. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

**Câu 1:** Đâu không phải ưu điểm của phương pháp nhân giống hữu tính

A. Dễ thực hiện, chi phí thấp.

B. Hệ số nhân giống cao.

C. Cây có tuổi thọ cao, tính thích nghi cao.

D. Dễ dàng bảo quản và vận chuyển hạt giống.

**Câu 2:** Cây phượng được nhân giống bằng cách

A. Gieo hạt.

B. Chiết cành.

C. Giâm cành.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 3:** Cây bàng được nhân giống bằng cách

A. Chiết cành.

B. Ghép.

C. Gieo hạt.

D. Cả B và C đều đúng.

**Câu 4:** Cây bằng lăng được nhân giống bằng cách

A. Giâm cành.

B. Cả C và D đều đúng.

C. Gieo hạt.

D. Chiết cành.

**Câu 5:** Sắp xếp thứ tự các bước trong quy trình nhân giống hữu tính

(1)  Gieo trồng, chăm sóc.

(2)  Chọn lọc, làm sạch, phơi khô hạt.

(3)  Thu hoạch hạt.

(4)  Chọn hạt giống gốc.

(5)  Bảo quản

A. (4), (2), (1), (3), (5).

B. (4), (2), (3), (1), (5).

C. (4), (3), (5), (1), (2).

D. (4), (1), (3), (2), (5).

**Câu 6:** Sắp xếp thứ tự các bước trong quy trình giâm cành

(1)  Cắm vào nên giâm sâu 2-5cm.

(2)  Nhúng vào dung dịch kích thích ra rễ.

(3)  Cắt cành giâm 10—15cm, loại bỏ bớt lá.

(4)  Phun hoặc tưới nước giữ ấm.

(5)  Chọn cành mẹ

A. (5), (1), (4), (3), (2).

B. (5), (3), (2), (1), (4).

C. (4), (3), (5), (1), (2).

D. (4), (2), (1), (3), (5).

**Câu 7:** Sắp xếp thứ tự các bước trong quy trình chiết cành

(1)  Chọn cành đường kính 0,5-2cm.

(2)  Bọc kín bằng nylon.

(3)  Bao quanh vết cắt trên bằng giá thể.

(4)  Bóc vỏ và cạo sạch thượng tầng.

(5)  Khoanh 2 vòng dài 3-5cm.

(6)  Bôi chất kích thích ra rễ.

A. (2), (5), (4), (1), (3), (6).

B. (1), (2), (3), (6), (4), (5).

C. (1), (3), (4), (5), (6), (2).

D. (1), (5), (4), (6), (3), (2).

**Câu 8:** Sắp xếp thứ tự các bước trong quy trình ghép

(1)  Chọn cành, mắt ghép.

(2)  Cắt bỏ nylon (nếu cần).

(3)  Cắt mắt hoặc cành ghéo và đặt vào gốc ghép.

(4)  Gieo trồng cây gốc ghép.

(5)  Buộc kín mắt ghép bằng nylon.

(6)  Vệ sinh và cắt gốc ghép.

A. (1), (4), (2), (6), (5), (3).

B. (4), (1), (3), (5), (2), (6).

C. (1), (6), (3), (5), (2), (4).

D. (1), (3), (5), (2), (6), (4).

**Câu 9:** Phát biều nào dưới đây đúng

A. Chiết cành tạo cây mới từ cành vẫn còn trên cây mẹ.

B. Phương pháp nhân giống vô tính giữ được đặc tính di truyền của cây mẹ nhưng thu hoạch muộn hơn phương pháp nhân giống hữu tính.

C. Nhược điểm của phương pháp giâm cành là khó thực hiện, cây dễ bị úng nước do không kịp mọc rễ.

D. Nhược điểm của phương pháp chiết cành giống phương pháp giâm cành.

**Câu 10:** Phát biểu nào dưới đây không đúng

A. Cần cắt cành giâm ngang, không bị nhọn để thuận lợi ra rễ.

B. Cây chiếu cành sinh trưởng nhanh hơn cây giâm cành do kích thước cây lớn.

C. Có thể ghép mắt hoặc đoạn cành lên gốc ghép cùng loài hay khác loài.

D. Nhược điểm của ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống cây trồng là đòi hỏi kĩ thuật cao, chi phí đầu tư lớn, thời gian dài.

### 3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

**Câu 1:** Đâu không phải cây được nhân giống bằng phương pháp ghép

A. Dừa.

B. Vải.

C. Bưởi.

D. Nhãn.

**Câu 2:** Sắp xếp các bước nhân giống cây cà phê bằng nuôi cấy mô tế bào

(1)  Tạo mẫu lá sạch.

(2)  Tái sinh phôi thành cây.

(3)  Chọn mẫu lá.

(4)  Tạo cây hoàn chỉnh.

(5)  Tạo nhân mô, sẹo.

(6)  Tái sinh phôi.

A. (3), (2), (6), (5), (1), (4).

B. (3), (4), (5), (1), (2), (4).

C. (3), (1), (5), (6), (2), (4).

D. (1), (3), (5), (2), (4), (6).

**Câu 3:** Nối cây ở cột A và phương pháp nhân giống thích hợp ở cột B

|  |  |
| --- | --- |
| A (Cây trồng) | B(Phương pháp nhân giống thích hợp) |
| 1.Bưởi. | a.Nuôi cấy mô. |
| 2.Hoa hồng. | b.Chiết cành. |
| 3.Cà chua. | c.Giâm cành. |
| 4.Hoa phong lan. | d.Ghép cành. |

A. 1-c; 2-b; 3-d; 4-a.

B. 1-c; 2-d; 3-b; 4-a.

C. 1-b; 2-c; 3-d; 4-a.

D. 1-b; 2-d; 3-c; 4-a.

### 4. VẬN DỤNG CAO (1 CÂU)

**Câu 1:** Những cây dưới đây được tạo ra bằng phương pháp nhân giống



A. Tất cả các đáp án dưới đây đều đúng.

B. Phương pháp chiết cành.

C. Phương pháp nuôi cấy mô.

D. Phương pháp ghép

# CHỦ ĐỀ 5: PHÒNG TRỪ SÂU, BỆNH HẠI CÂY TRỒNG

## BÀI 12: TÁC HẠI CỦA SÂU, BỆNH ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (5 CÂU)

**Câu 1:** Cây trồng sinh trưởng, phát triển kém do sâu, bệnh phá hại dẫn đến:

A. Giảm năng suất

B. Giảm chất lượng

C. Giảm tính thẩm mĩ

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:** Sâu, bệnh hại sẽ:

A. Làm giảm giá trị dinh dưỡng của sản phẩm

B. Không ảnh hưởng đến tỉ lệ nảy mầm

C. Không ảnh hưởng đến sức sống của hạt giống

D. Không làm giảm giá trị dinh dưỡng trong sản phẩm

**Câu 3:** Phòng trừ sâu, bệnh có ý nghĩa đối với:

A. Trồng trọt

B. Sức khỏe con người

C. Môi trường sinh thái

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 4:** Phòng trừ sâu bệnh giúp:

A. Giảm thiểu sâu bệnh hại

B. Đảm bảo năng suất

C. Đảm bảo chất lượng sản phẩm

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5:** Phòng trừ sâu, bệnh không có ý nghĩa đối với:

A. Trồng trọt

B. Sức khỏe con người

C. Môi trường sinh thái

D. Cả 3 đáp án trên đều sai

2. THÔNG HIỂU (8 câu)

**Câu 1:** Sâu, bệnh ảnh hưởng đến đời sống cây trồng như thế nào?

A. Sinh trưởng và phát triển kém

B. Sinh trưởng kém

C. Phát triển kém

D. Không ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển

**Câu 2:** Chọn phát biểu sai: Sâu, bệnh ảnh hưởng đến đời sống cây trồng như thế nào?

A. Sinh trưởng và phát triển kém

B. Sinh trưởng kém

C. Phát triển kém

D. Không ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển

**Câu 3:** Chọn phát biểu đúng: Sâu, bệnh hại sẽ:

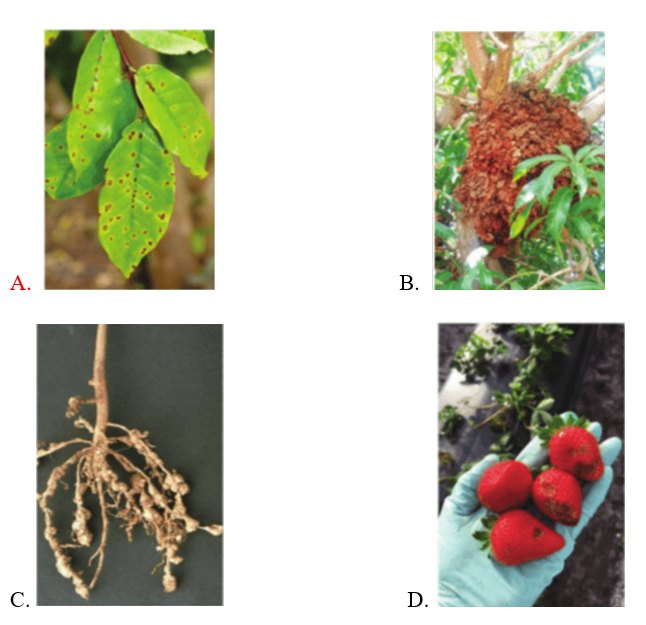
A. Gây độc cho người sử dụng

B. Không ảnh hưởng đến tỉ lệ nảy mầm

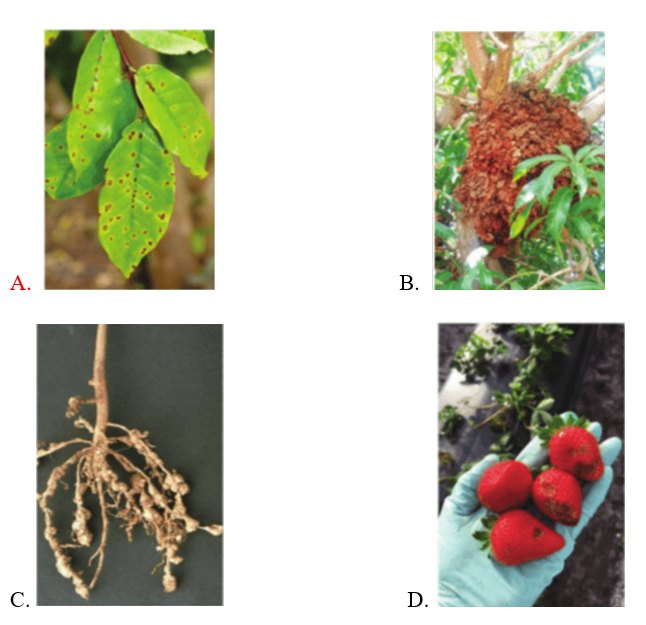
C. Không ảnh hưởng đến sức sống của hạt giống

D. Không làm giảm giá trị dinh dưỡng trong sản phẩm

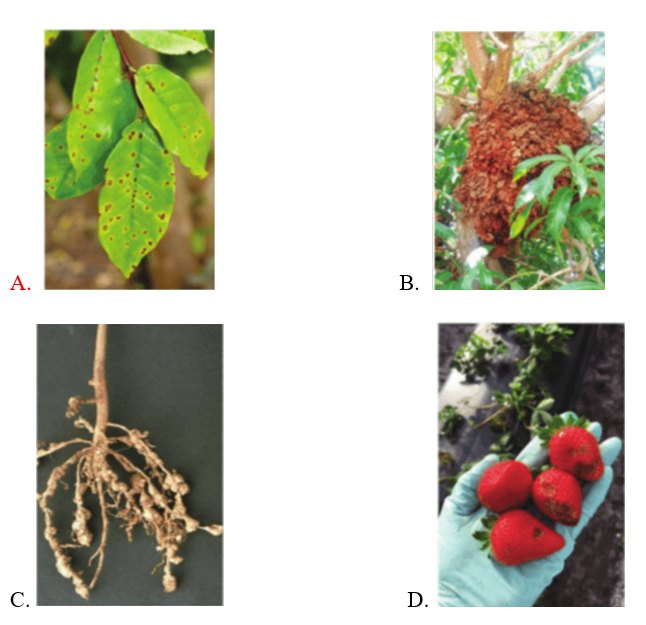
**Câu 4:** Hình ảnh nào cho thấy sâu, bệnh gây hại cho lá?



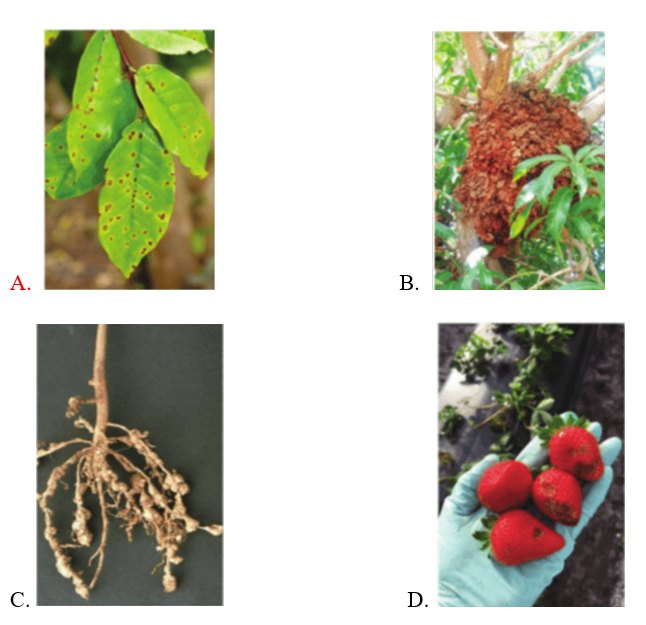
**Câu 5:** Hình ảnh nào cho thấy sâu, bệnh gây hại cho thân?



**Câu 6:** Hình ảnh nào cho thấy sâu, bệnh gây hại cho rễ?



**Câu 7:** Hình ảnh nào cho thấy sâu, bệnh gây hại cho quả?



**Câu 8:** Chọn phát biểu sai: Sâu, bệnh hại sẽ:

A. Không ảnh hưởng đến tỉ lệ nảy mầm

B. Không ảnh hưởng đến sức sống của hạt giống

C. Không làm giảm giá trị dinh dưỡng trong sản phẩm

D. Cả 3 đáp án đều đúng

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Phòng trừ sâu bệnh giúp:

A. Gia tăng thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp

B. Duy trì cân bằng sinh thái

C. Bảo vệ môi trưởng

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:** Đâu là dấu hiệu khi cây trồng bị sâu, bệnh phá hại?

A. Lá, quả bị đốm đen, nâu

B. Cành gãy, lá vàng úa, thủng, sần sùi

C. Quả bị chảy nhự

D. Cả 3 đáp án trên

## BÀI 13: SÂU HẠI CÂY TRỒNG

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (7 CÂU)

**Câu 1:**Sâu hại được chia làm mấy nhóm?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**Nhóm sâu hại biến thái hoàn toàn phát triển qua mấy giai đoạn?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 3:**Sâu hại có loại nào sau đây?

A. Biến thái hoàn toàn

B. Biến thái không hoàn toàn

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 4:**Giai đoạn đầu tiên của nhóm sâu hại biến thái hoàn toàn là:

A. Trứng

B. Sâu non

C. Nhộng

D. Trưởng thành

**Câu 5:**Giai đoạn 2 của nhóm sâu hại biến thái hoàn toàn là:

A. Trứng

B. Sâu non

C. Nhộng

D. Trưởng thành

**Câu 6:**Giai đoạn 3 của nhóm sâu hại biến thái hoàn toàn là:

A. Trứng

B. Sâu non

C. Nhộng

D. Trưởng thành

**Câu 7:**Giai đoạn 4 của nhóm sâu hại biến thái hoàn toàn là:

A. Trứng

B. Sâu non

C. Nhộng

D. Trưởng thành

2. THÔNG HIỂU (8 câu)

**Câu 1:**Nhóm sâu hại biến thái không hoàn toàn phát triển qua mấy giai đoạn?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**Nhóm sâu hại biến thái không hoàn toàn phát triển qua giai đoạn nào sau đây?

A. Trứng

B. Sâu non

C. Trưởng thành

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3:**Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa thường gây hại thành dịch lớn trên nhiều vùng trồng lúa ở nước ta ở mấy giai đoạn?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 5

**Câu 4:**Thời gian phát triển của sâu non cuốn lá là bao nhiêu ngày?

A. 10 – 18 ngày

B. 15 – 28 ngày

C. 5 – 8 ngày

D. 25 – 28 ngày

**Câu 5:**Giai đoạn nhộng của sâu cuốn lá thường phát triển trong bao lâu?

A. 6 – 10 ngày

B. 5 – 15 ngày

C. 4 – 8 ngày

D. 15 – 28 ngày

**Câu 6:**Xác định giai đoạn trứng của sâu cuốn lá nhỏ hại lúa sinh trưởng phát triển trong bao nhiêu ngày?

A. 1 – 3 ngày

B. 5 – 8 ngày

C. 3 – 5 ngày

D. 2 – 4 ngày

**Câu 7:** Sâu cuốn lá nhỏ trưởng thành có thời gian sống là ?

A. 5 – 10 ngày

B. 4 – 8 ngày

C. 5 – 15 ngày

D. 3 – 5 ngày

**Câu 8:** Giai đoạn sâu non của sâu tơ hại rau họ cải kéo dài trong bao lâu?

A. 15 – 28 ngày

B. 6 – 10 ngày

C. 11 – 20 ngày

D. 8 – 12 ngày

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa thường gây hại thành dịch lớn trên nhiều vùng trồng lúa ở nước ta ở các giai đoạn: lúa đẻ nhánh, lúa phân hoá đòng, trỗ bông.

A. lúa phân hoá đòng

B. Lúa trổ bông

C. lúa đẻ nhánh

D. Cả 3 đáp án trên

## BÀI 14: BỆNH HẠI CÂY TRỒNG

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (8 CÂU)

**Câu 1:** Có mấy nhóm nguyên nhân gây bệnh?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**Bệnh hại cây trồng do nhóm gây bệnh nào sau đây gây ra?

A. Do sinh vật

B. Do điều kiện ngoại cảnh

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 3:**Quá trình xâm nhiễm của sinh vật gây bệnh cho cây trồng trải qua mấy giai đoạn?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 4:**Quá trình xâm nhiễm của sinh vật gây bệnh cho cây trồng trải qua giai đoạn nào?

A. Xâm nhập

B. Ủ bệnh

C. Phát triển bệnh

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5:**Giai đoạn đầu tiên trong quá trình xâm nhiễm của sinh vật gây bệnh cho cây trồng là:

A. Xâm nhập

B. Ủ bệnh

C. Phát triển bệnh

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 6:**Giai đoạn 2 trong quá trình xâm nhiễm của sinh vật gây bệnh cho cây trồng là:

A. Xâm nhập

B. Ủ bệnh

C. Phát triển bệnh

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 7:**Giai đoạn 3 trong quá trình xâm nhiễm của sinh vật gây bệnh cho cây trồng là:

A. Xâm nhập

B. Ủ bệnh

C. Phát triển bệnh

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 8:**Sự phát sinh, phát triển của bệnh do sinh vật chỉ có thể xảy ra khi có mấy điều kiện cơ bản?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

2. THÔNG HIỂU (10 câu)

**Câu 1:**Xác định: Đâu là yếu tố ngoại cảnh bất lợi của môi trường?

A. nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp

B. Ngập úng hoặc khô hạn

C. Chất độc, khí độc

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:**Xác định: Các sinh vật gây bệnh cho cây trồng?

A. nấm, vi khuẩn, virus, tuyến trùng.

B. nấm, vi khuẩn, virus, sâu

C. nấm, vi khuẩn

D. vi khuẩn, virus, tuyến trùng

**Câu 3:**Chọn ý đúng: Biện pháp nào sau đây sử dụng các sản phẩm từ côn trùng?

A. Biện pháp kỹ thuật

B. Biện pháp hóa học

C. Biện pháp cơ giới vật lý

D. Biện pháp sinh học

**Câu 4:**Sự phát sinh, phát triển của bệnh do sinh vật chỉ có thể xảy ra khi có điều kiện cơ bản nào sau đây?

A. Có vi sinh vật gây bệnh đạt số lượng nhất định

B. Có cây kí chủ đang ở giai đoạn mẫm cảm bệnh

C. Có điều kiện ngoại cảnh phù hợp cho sinh vật gây bệnh phát triển

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5:**Bệnh đạo ôn hại lúa do:

A. Nấm Pyricularia oryzae gây ra

B. Virus xoăn vàng lá TYLCV gây ra

C. Vi khuẩn Liberobacter asiaticum gây ra

D. Tuyến trùng gây ra

**Câu 6:**Bệnh xoăn vàng lá cà chua do:

A. Nấm Pyricularia oryzae gây ra

B. Virus xoăn vàng lá TYLCV gây ra

C. Vi khuẩn Liberobacter asiaticum gây ra

D. Tuyến trùng gây ra

**Câu 7:** Bệnh vàng lá gân xanh hại cam do:

A. Nấm Pyricularia oryzae gây ra

B. Virus xoăn vàng lá TYLCV gây ra

C. Vi khuẩn Liberobacter asiaticum gây ra

D. Tuyến trùng gây ra

**Câu 8:** Bệnh do tuyến trùng hại rễ cây hồ tiêu do:

A. Nấm Pyricularia oryzae gây ra

B. Virus xoăn vàng lá TYLCV gây ra

C. Vi khuẩn Liberobacter asiaticum gây ra

D. Tuyến trùng gây ra

**Câu 9:** Em hiểu: Ổ dịch là gì?

A. Nơi xuất phát của sâu, bệnh để phát triển rộng ra đồng ruộng.

B. Nơi có nhiều sâu, bệnh hại.

C. Nơi cư trú của sâu, bệnh hại.

D. Có sẵn trên đồng ruộng.

**Câu 10:** Xác định khi nói về ảnh hưởng của độ ẩm, lượng mưa đến sâu hại ý nào sai?

A. Lượng nước trong cơ thể côn trùng không thay đổi theo độ ẩm không khí và lượng mưa.

B. Lượng nước trong cơ thể côn trùng thay đổi theo độ ẩm không khí và lượng mưa.

C. Lượng nước trong cơ thể côn trùng giảm khi độ ẩm không khí và lượng mưa giảm.

D. Lượng nước trong cơ thể côn trùng tăng khi độ ẩm không khí và lượng mưa tăng.

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Hãy xác định: Những loại đất nào dễ phát sinh sâu bệnh?

A. Đất thiếu dinh dưỡng

B. Đất thừa dinh dưỡng

C. Đất chua

D. Đất thiếu hoặc thừa dinh dưỡng

**Câu 2:**Đâu không phải bệnh hại cây trồng thường gặp là?

A. Bệnh đạo ôn hại lúa

B. Bệnh xoăn vàng lá cà chua

C. Bệnh xoăn vàng lá cà chua

D. Bệnh xoăn vàng lá cà chua

## BÀI 15: BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ SÂU, BỆNH HẠI CÂY TRỒNG

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (6 CÂU)

**Câu 1:**Phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng gồm mấy nguyên lí chính?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**Nguyên lí đầu tiên trong phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng là:

A. Trồng cây khỏe

B. Bảo tồn thiên địch

C. Thường xuyên thăm đồng ruộng

D. Nông dân trở thành chuyên gia

**Câu 3:**Nguyên lí thứ hai trong phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng là:

A. Trồng cây khỏe

B. Bảo tồn thiên địch

C. Thường xuyên thăm đồng ruộng

D. Nông dân trở thành chuyên gia

**Câu 4:**Nguyên lí thứ ba trong phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng là:

A. Trồng cây khỏe

B. Bảo tồn thiên địch

C. Thường xuyên thăm đồng ruộng

D. Nông dân trở thành chuyên gia

**Câu 5:**Nguyên lí thứ tư trong phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng là:

A. Trồng cây khỏe

B. Bảo tồn thiên địch

C. Thường xuyên thăm đồng ruộng

D. Nông dân trở thành chuyên gia

**Câu 6:**Có mấy loại chế phẩm phòng trừ sâu, bệnh hại cho cây trồng có nguồn gốc từ vi sinh vật?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

2. THÔNG HIỂU (10 câu)

**Câu 1:**Đâu là nội dung của biện pháp canh tác?

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại.

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại.

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

**Câu 2:**Đâu là nội dung của biện pháp cơ giới, vật lí?

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại.

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại.

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

**Câu 3:**Đâu là nội dung của biện pháp sử dụng giống chống chịu sâu, bệnh?

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại.

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại.

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

**Câu 4:**Đâu là nội dung của biện pháp sinh học?

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại.

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại.

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

**Câu 5:**Đâu không phải ưu điểm của biện pháp canh tác?

A. Dễ áp dụng, hiệu quả lâu dài

B. Không gây ô nhiễm môi trường

C. An toàn cho sức khỏe người sản xuất

D. Hiệu quả cao khi sâu, bệnh đã phát sinh thành dịch

**Câu 6:**Đâu là các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng?

A. Ứng dụng công nghệ sinh học, sử dụng giống chống chịu sâu, bệnh, hóa học.

B. Canh tác, cơ giới và vật lí, sinh học, sử dụng giống chống chịu sâu, bệnh, hóa học

C. Canh tác, cơ giới và vật lí

D. Đáp án khác

**Câu 7:**Đâu là chế phẩm vi khuẩn trừ sâu?

A. Chế phẩm Bt

B. Chế phẩm NPV

C. Chế phẩm nấm xanh Metarhizium

D. Chế phẩm nấm Trichoderma

**Câu 8:**Đâu là chế phẩm virus trừ sâu?

A. Chế phẩm Bt

B. Chế phẩm NPV

C. Chế phẩm nấm xanh Metarhizium

D. Chế phẩm nấm Trichoderma

**Câu 9:**Đâu là chế phẩm nấm trừ sâu?

A. Chế phẩm Bt

B. Chế phẩm NPV

C. Chế phẩm nấm xanh Metarhizium

D. Chế phẩm nấm Trichoderma

**Câu 10:**Đâu là chế phẩm nấm trừ bệnh?

A. Chế phẩm Bt

B. Chế phẩm NPV

C. Chế phẩm nấm xanh Metarhizium

D. Chế phẩm nấm Trichoderma

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Hoạt động làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng là nội dung công việc của biện pháp nào?

A. Cơ giới vật lý

B. Canh tác

C. Sử dụng giống chống chịu sâu, bệnh

D. Sinh học

**Câu 2:**Biện pháp nào sau đây là biện pháp Sinh học trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

A. Gieo trồng đúng thời vụ

B. Bắt bằng vợt, bẫy ánh sáng

C. Dùng ong mắt đỏ

D. Bón phân cân đối

# CHỦ ĐỀ 6: KĨ THUẬT TRỒNG TRỌT

## BÀI 16: QUY TRÌNH TRỒNG TRỌT

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

**Câu 1:** Quy trình trồng trọt bao gồm mấy bước cơ bản?\

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**  Bước đầu tiên trong quy trình trồng trọt là:

A. Làm đất, bón lót

B. Gieo hạt, trồng cây

C. Chăm sóc

D. Thu hoạch

**Câu 3:** Bước thứ hai trong quy trình trồng trọt là:

A. Làm đất, bón lót

B. Gieo hạt, trồng cây

C. Chăm sóc

D. Thu hoạch

**Câu 4:** Bước thứ ba trong quy trình trồng trọt là:

A. Làm đất, bón lót

B. Gieo hạt, trồng cây

C. Chăm sóc

D. Thu hoạch

**Câu 5:** Bước thứ tư trong quy trình trồng trọt là:

A. Làm đất, bón lót

B. Gieo hạt, trồng cây

C. Chăm sóc

D. Thu hoạch

**Câu 6:** Bước làm đất, bón lót gồm mấy công việc chính?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 7:** Quy trình trồng cam gồm mấy bước?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 8:** Bước làm đất, bón lót có công việc chính như:

A. Cày, bừa đất

B. Lên luống

C. Bón phân lót

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 9:** Có mấy phương pháp bón lót?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 10:** Bón vãi tức là:

A. Rải đều phân bón trên mặt luống

B. Rạch hàng trên mặt luống và rải phân vào rạch

C. Bổ hốc trên mặt luống theo đúng khoảng cách trồng

D. Đào hố

### 2. THÔNG HIỂU (7 CÂU)

**Câu 1:** Cày bừa đất bao gồm những công việc nào?

A. Dọn sạch cỏ dại và các vật thể cứng ở trong đất (gạch, đá,...) trên lớp đất mặt.

B. Cày, bừa làm nhỏ và tơi xốp đất.

C. Cả A và B đúng.

D. Đáp án khác.

**Câu 2:** Biện pháp lên luống thường được áp dụng đối với loại cây trồng nào?

A. Cây ngắn ngày.

B. Các loại rau củ.

C. Cây dài ngày.

D. Cây lấy gỗ.

**Câu 3:** Có mấy cách bón lót?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 4:** Đâu không là biện pháp bón phân lót?

A. Bón theo hốc

B. Bón thúc

C. Bón theo hàng

D. Bón theo hố

**Câu 5:** Có bao nhiêu hình thức gieo hạt chính?

A. 5

B. 3

C. 2

D. 1

**Câu 6:** Quá trình chăm sóc cây trồng được thực hiện qua bao nhiêu công việc?

A. 6

B. 5

C.3

D. 4

**Câu 7:** Bón theo hàng tức là:

A. Rải đều phân bón trên mặt luống

B. Rạch hàng trên mặt luống và rải phân vào rạch

C. Bổ hốc trên mặt luống theo đúng khoảng cách trồng

D. Đào hố

### 3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

**Câu 1:** Đâu không là công việc trong quá trình chăm sóc cây trồng?

A. Tưới nước.

B. Bón thúc.

C. Bón lót.

D. Làm giàn.

**Câu 2:** Khi tiến hành chăm sóc cây trồng có những công việc nào?

A. + Tưới nước + Bón thúc + Xới xáo, làm cỏ, vun gốc + Làm giàn.

B. + Cắt tỉa + Phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.

C. + Tưới nước + Làm giàn. + Cắt tỉa + Phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.

D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 3:** Loại cây nào nên bón lót ngay trước khi gieo trồng?

A. Cây thân thảo.

B. Cây ngắn ngày.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

## BÀI 17: ỨNG DỤNG CƠ GIỚI HÓA TRONG TRỒNG TRỌT

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

**Câu 1:** Theo công suất, người ta chia máy động lực làm mấy loại?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**  Ứng dụng cơ giới hóa trong trồng trọt là ứng dụng vào bao nhiêu quá trình?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 3:** Xác định ứng dụng cơ giới hóa được áp dụng vào quá trình nào?

A. Cơ giới hóa trong gieo trồng

B. Cơ giới hóa trong chăm sóc cây trồng

C. Cơ giới hóa trong thu hoạch

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 4:** Cho biết: Khi áp dụng cơ giới hóa trong chăm sóc cây trồng, cần chú ý vấn đề?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 5:** Đâu là vấn đề cần chú ý khi áp dụng cơ giới hóa trong chăm sóc cây trồng?

A. Lựa chọn loại máy phù hợp

B. Lựa chọn đúng loại máy móc phù hợp với giai đoạn sinh trưởng của cây trồng

C. Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi sử dụng máy

D. A và C đúng

**Câu 6:** Loại máy nào sau đây là ứng dụng cơ giới hóa trong làm đất?

A. Máy cày

B. Máy gieo hạt cầm tay

C. Máy xới, vun

D. Máy thu hoạch khoai tây

**Câu 7:** Loại máy nào sau đây là ứng dụng cơ giới hóa trong gieo trồng?

A. Máy cày

B. Máy gieo hạt cầm tay

C. Máy xới, vun

D. Máy thu hoạch khoai tây

**Câu 8:** Loại máy nào sau đây là ứng dụng cơ giới hóa trong chăm sóc cây trồng?

A. Máy cày

B. Máy gieo hạt cầm tay

C. Máy xới, vun

D. Máy thu hoạch khoai tây

**Câu 9:** Loại máy nào sau đây là ứng dụng cơ giới hóa trong thu hoạch?

A. Máy cày

B. Máy gieo hạt cầm tay

C. Máy xới, vun

D. Máy thu hoạch khoai tây

**Câu 10:** Theo công suất, máy động lực có loại nào sau đây?

A. Máy công suất lớn

B. Máy công suất trung bình

C. Máy công suất nhỏ

D. Cả 3 đáp án trên

### 2. THÔNG HIỂU (7 CÂU)

**Câu 1:** Máy động lực công suất lớn có công suất động cơ:

A. Trên 35 HP

B. Trên 12 HP

C. Dưới 12 HP

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:** Máy động lực công suất trung bình có công suất động cơ:

A. Trên 35 HP

B. Trên 12 HP

C. Dưới 12 HP

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3:** Máy động lực công suất nhỏ có công suất động cơ:

A. Trên 35 HP

B. Trên 12 HP

C. Dưới 12 HP

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 4:** Máy động lực công suất lớn phù hợp sử dụng trên những cánh đồng có diện tích:

A. Trên 20 ha

B. Từ 1 đến 20 ha

C. Dưới 1 ha

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5:** Máy động lực công suất trung bình phù hợp sử dụng trên những cánh đồng có diện tích:

A. Trên 20 ha

B. Từ 1 đến 20 ha

C. Dưới 1 ha

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 6:** Máy động lực công suất nhỏ phù hợp sử dụng trên những cánh đồng có diện tích:

A. Trên 20 ha

B. Từ 1 đến 20 ha

C. Dưới 1 ha

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 7:** Loại máy nào sau đây là ứng dụng cơ giới hóa trong làm đất?

A. Máy cày

B. Máy gieo hạt cầm tay

C. Máy xới, vun

D. Máy thu hoạch khoai tây

### 3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

**Câu 1:** Hoạt động nào sau đấy được xem là ứng dụng cơ giới hóa trong chăm sóc cây trồng?

A. Máy cày dùng để cày đất.

B. Máy lên luống, lên hàng trồng cây.

C. Máy bay phun thuốc trừ sâu.

D. Máy rải phân được sử dụng rải phân bón lót.

## BÀI 18: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG THU HOẠCH, BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

**Câu 1:** Công nghệ cao được ứng dụng vào trong giai đoạn nào?

A.Thu hoạch

B.Bảo quản

C.Chế biến

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:** Có mấy loại ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm trồng trọt?

A. 1.

B. 2.

C. 3  .

D. 4.

**Câu 3:** Công nghệ bảo quản lạnh:

A. Sản phẩm trồng trọt được bảo quản trong kho lạnh với hệ thống điều hòa điều khiển nhiệt độ lạnh thích hợp với từng loại sản phẩm.

B. Sử dụng công nghệ lạnh đông kết hợp với thiết bị làm tinh thể nước đóng băng ở dạng hạt nhỏ, tròn, không góc cạnh.

C. Sử dụng màng hoặc túi bằng chất dẻo để bọc sản phẩm

D. Bảo quản trong môi trường khí quyển được điều chỉnh khác với khí quyển tự nhiên.

**Câu 4:** Đâu là ứng dụng công nghệ cao trong chế biến sản phẩm trồng trọt?

A. Công nghệ sấy thăng hoa

B. Công nghệ chế biến nước quả

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 5:** CA là công nghệ bảo quản nào?

A. Công nghệ bảo quản trong điều kiện khí quyển được kiểm soát.

B. Công nghệ bảo quản trong điều kiện khí quyển biến đổi

C. Công nghệ lạnh đông làm sống tế bào.

D. Đáp án khác

**Câu 6:** Công nghệ bảo quản trong điều kiện khí quyển được kiểm soát:

A. Sản phẩm trồng trọt được bảo quản trong kho lạnh với hệ thống điều hòa điều khiển nhiệt độ lạnh thích hợp với từng loại sản phẩm.

B. Sử dụng công nghệ lạnh đông kết hợp với thiết bị làm tinh thể nước đóng băng ở dạng hạt nhỏ, tròn, không góc cạnh.

C. Sử dụng màng hoặc túi bằng chất dẻo để bọc sản phẩm

D. Bảo quản trong môi trường khí quyển được điều chỉnh khác với khí quyển tự nhiên.

**Câu 7:** Có mấy ứng dụng công nghệ cao trong chế biến sản phẩm trồng trọt?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 8:** Bước đầu tiên của quy trình chế biến tương cà chua là:

A. Rửa sạch cá chua, chần qua nước sôi, bóc bỏ vỏ

B. Gừng, tỏi, hành tây bỏ vỏ, thái nhỏ

C. Cho cà chua, hành tây, tỏi, gừng băm nhỏ vào nồi và bắc lên bếp đun khi cà chua chín nhũn thì tắt bếp, để nguội bớt

D. Xay hỗn hợp bằng máy

**Câu 9:** Bước thứ hai của quy trình chế biến tương cà chua là:

A. Rửa sạch cá chua, chần qua nước sôi, bóc bỏ vỏ

B. Gừng, tỏi, hành tây bỏ vỏ, thái nhỏ

C. Cho cà chua, hành tây, tỏi, gừng băm nhỏ vào nồi và bắc lên bếp đun khi cà chua chín nhũn thì tắt bếp, để nguội bớt

D. Xay hỗn hợp bằng máy

**Câu 10:** Bước thứ ba của quy trình chế biến tương cà chua là:

A. Rửa sạch cá chua, chần qua nước sôi, bóc bỏ vỏ

B. Gừng, tỏi, hành tây bỏ vỏ, thái nhỏ

C. Cho cà chua, hành tây, tỏi, gừng băm nhỏ vào nồi và bắc lên bếp đun khi cà chua chín nhũn thì tắt bếp, để nguội bớt

D. Xay hỗn hợp bằng máy

**Câu 11:** Bước thứ tư của quy trình chế biến tương cà chua là:

A. Rửa sạch cá chua, chần qua nước sôi, bóc bỏ vỏ

B. Gừng, tỏi, hành tây bỏ vỏ, thái nhỏ

C. Cho cà chua, hành tây, tỏi, gừng băm nhỏ vào nồi và bắc lên bếp đun khi cà chua chín nhũn thì tắt bếp, để nguội bớt

D. Xay hỗn hợp bằng máy

**Câu 12:** Cho biết: Công nghệ MAP nghĩa là công nghệ gì?

A. Công nghệ bảo quản trong điều kiện khí quyển biến đổi

B. Công nghệ bảo quản trong điều kiện khí quyển được kiểm soát

C. Công nghệ bảo quản lạnh sống tế bào

D. Công nghệ lạnh đông làm sống tế bào

### 2. THÔNG HIỂU (8 CÂU)

**Câu 1:** Công nghệ lạnh đông làm sống tế bào:

A. Sản phẩm trồng trọt được bảo quản trong kho lạnh với hệ thống điều hòa điều khiển nhiệt độ lạnh thích hợp với từng loại sản phẩm.

B. Sử dụng công nghệ lạnh đông kết hợp với thiết bị làm tinh thể nước đóng băng ở dạng hạt nhỏ, tròn, không góc cạnh.

C. Sử dụng màng hoặc túi bằng chất dẻo để bọc sản phẩm.

D. Bảo quản trong môi trường khí quyển được điều chỉnh khác với khí quyển tự nhiên.

**Câu 2:** Công nghệ bảo quản trong điều kiện khí quyển biến đổi:

A. Sản phẩm trồng trọt được bảo quản trong kho lạnh với hệ thống điều hòa điều khiển nhiệt độ lạnh thích hợp với từng loại sản phẩm.

B. Sử dụng công nghệ lạnh đông kết hợp với thiết bị làm tinh thể nước đóng băng ở dạng hạt nhỏ, tròn, không góc cạnh.

C. Sử dụng màng hoặc túi bằng chất dẻo để bọc sản phẩm.

D. Bảo quản trong môi trường khí quyển được điều chỉnh khác với khí quyển tự nhiên.

**Câu 3:** Quy trình chế biến tương cà chua gồm mấy bước?

A. 1

B. 3

C. 5

D. 7

**Câu 4:** Nhiệt độ và độ ẩm thích hợp để bảo quản cà chua là bao nhiêu?

A. 12 0C, 85 - 90 %.

B. 12 oC, 93 %.

C. 5 - 12 oC, 85 - 90 %.

D. 7 - 10 oC, 85 - 90 %.

**Câu 5:** Ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm trồng trọt, các em được tìm hiểu bao nhiêu công nghệ bảo quản?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 6:** Trong công nghệ sấy thăng hoa sản phẩm được cấp đông nhanh ở nhiệt độ nào?

A. 0°C đến - 10°C

B. 30°C đến - 50°C

C. - 30°C đến - 50°C

D. 5°C đến - 15°C

### 3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

**Câu 1:** Khi bảo quản cà chua ở nhiệt độ và độ ẩm 7 - 10 oC, 85 - 90 % thì bảo quản được trong bao lâu?

A. 4 - 7 ngày

B. 5 -10 ngày

C. 4 - 10 ngày

D. 10 ngày

**Câu 2:** Đâu là công nghệ cao được ứng dụng trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt?

A. Tự động hóa

B. Cảm biến

C. Robot và trí tuệ nhân tạo

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3:** Sản phẩm trồng trọt được bảo quản bằng công nghệ CA sẽ kéo dài thời gian bảo quản được trong bao lâu?

A. 2 tuần

B. 20 tuần

C. 40 tuần

D. 10 Tuần

## BÀI 19: LẬP KẾ HOẠCH VÀ TÍNH TOÁN CHI PHÍ TRỒNG TRỌT

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

**Câu 1:** Kế hoạch trồng trọt bao gồm mấy thông tin?

A.5

B.6

C.7

D. 8

**Câu 2:** Thông tin đầu tiên trong kế hoạch trồng trọt là:

A. Địa điểm và diện tích gieo trồng, sơ đồ khu vực trồng

B. Thời gian gieo, trồng và dự kiến thu hoạch

C. Giống và vật tư trồng trọt

D. Thiết bị và dụng cụ trồng trọt

**Câu 3:** Thông tin thứ hai trong kế hoạch trồng trọt là:

A. Địa điểm và diện tích gieo trồng, sơ đồ khu vực trồng

B. Thời gian gieo, trồng và dự kiến thu hoạch

C. Giống và vật tư trồng trọt

D. Thiết bị và dụng cụ trồng trọt

**Câu 4:** Thông tin thứ ba trong kế hoạch trồng trọt là:

A. Địa điểm và diện tích gieo trồng, sơ đồ khu vực trồng

B. Thời gian gieo, trồng và dự kiến thu hoạch

C. Giống và vật tư trồng trọt

D. Thiết bị và dụng cụ trồng trọt

**Câu 5:** Thông tin thứ tư trong kế hoạch trồng trọt là:

A. Địa điểm và diện tích gieo trồng, sơ đồ khu vực trồng

B. Thời gian gieo, trồng và dự kiến thu hoạch

C. Giống và vật tư trồng trọt

D. Thiết bị và dụng cụ trồng trọt

**Câu 6:** Thông tin thứ năm trong kế hoạch trồng trọt là:

A. Số lượng nhân công

B. Quy trình kĩ thuật trồng trọt

C. Kinh phí đầu tư

D. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

**Câu 7:** Thông tin thứ sáu trong kế hoạch trồng trọt là:

A. Số lượng nhân công

B. Quy trình kĩ thuật trồng trọt

C. Kinh phí đầu tư

D. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

**Câu 8:** Thông tin thứ bảy trong kế hoạch trồng trọt là:

A. Số lượng nhân công

B. Quy trình kĩ thuật trồng trọt

C. Kinh phí đầu tư

D. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

**Câu 9:** Thông tin thứ tám trong kế hoạch trồng trọt là:

A. Số lượng nhân công

B. Quy trình kĩ thuật trồng trọt

C. Kinh phí đầu tư

D. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

**Câu 10:** Khi lên kế hoạch tiêu thụ sản phẩm ta cần quan tâm bao nhiêu yếu tố chính?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

### 2. THÔNG HIỂU (7 CÂU)

**Câu 1:** Khi quan tâm về vấn đề giống và vật tư ta sẽ quan tâm về yếu tố nào?

A. Giống, phân bón

B. Giống, thuốc bảo vệ thực vật

C. Giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các vật tư khác

D. Giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón

**Câu 2:** Khi lập kế hoạch trồng trọt ta có thiết bị và dụng cụ trồng trọt nào?

A. Máy làm đất

B. Máy bơm và đường ống

C. Cuốc, cào, dầm, bình phun phân bón, bình phun thuốc trừ sâu, dao cắt cành, kéo tỉa cây, rổ, bao bì chứa sản phẩm thu hoạch

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3:** Xác định: Khi lập kế hoạch trồng trọt ta cần quan tâm các thông tin chính nào?

A. - Số lượng nhân công. - Quy trình kỹ thuật trồng trọt. - Thời gian gieo, trồng và dự kiến thu hoạch. - Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm.

B. - Số lượng nhân công. - Quy trình kỹ thuật trồng trọt. - Kinh phí đầu tư. - Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm.

C. - Địa điểm và diện tích gieo trồng, sơ đồ khu vực trồng. - Thời gian gieo, trồng và dự kiến thu hoạch. - Giống và vật tư trồng trọt. - Thiết bị và dụng cụ trồng trọt.

D. B và C đúng.

**Câu 4:** Đối với giống cây trồng ta cần quan tâm bao nhiêu yếu tố?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 5:** Đối với yếu tố phân bón ta cần quan tâm điểm nào?

A. Loại phân bón

B. Lượng phân bón

C. Giá thành phân bón

D. A và B đúng

**Câu 6:** Cho biết: Quy trình kỹ thuật trồng trọt bao gồm?

A. Quy trình làm đất, lên luống

B. chăm sóc, thu hoạch

C.bón lót, trồng cây, xử lý sau thu hoạch.

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 7:** Lựa chọn máy làm đất cần tìm hiểu thông tin về:

A. Loại máy

B. Số lượng

C. Công suất

D. Cả 3 đáp án trên

### 3. VẬN DỤNG (2 CÂU)

**Câu 1:** Đâu là cách tính đúng tổng chi phí cho trồng trọt?

A.Tổng chi phí cho trồng trọt = chi phí nguyên vật liệu + nhân công lao động + chi phí khác.

B.Tổng chi phí cho trồng trọt = chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ + công lao động + chi phí khác.

C. Tổng chi phí cho trồng trọt = chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ + công lao động

D. Đáp án khác

**Câu 2:** Khi quan tâm về vấn đề giống và vật tư ta sẽ quan tâm về yếu tố nào?

A. Giống, phân bón

B. Giống, thuốc bảo vệ thực vật

C. Giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các vật tư khác

D. Giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón

# CHỦ ĐỀ 7: TRỒNG TRỌT CÔNG NGHỆ CAO

## BÀI 20: GIỚI THIỆU VỀ TRỒNG TRỌT CÔNG NGHỆ CAO

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (6 CÂU)

**Câu 1:**Có mấy mô hình trồng trọt công nghệ cao được đề cập đến trong bài học?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**Như thế nào là trồng trọt công nghệ cao?

A. A.Trồng trọt ứng dụng công nghệ được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại (cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học....) vào sản xuất để đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế vượt trội và phát triển bền vững.

B. Trồng trọt công nghệ cao là trồng trọt ứng dụng (cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học.... ) vào sản xuất

C. Trồng trọt có kết hợp ứng dụng công nghệ được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại

D. Đáp án khác.

**Câu 3:**Qua chương trình Công nghệ 10 em được tìm hiểu bao nhiêu mô hình ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 5

**Câu 4:**Mô hình trồng rau ăn lá thủy canh màng mỏng dinh dưỡng tuần hoàn NFT áp dụng mấy công nghệ?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 5:**Mô hình trồng rau ăn lá thủy canh màng mỏng dinh dưỡng tuần hoàn NFT áp dụng công nghệ nào sau đây?

A. Nhà mái che với các thiết bị cảm biến, điều khiển các yếu tố nhiệt độ, cường độ chiếu sáng, độ ẩm không khí.

B. Hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng NFT

C. Giống xà lách chất lượng cao.

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 6:**Công nghệ đầu tiên được áp dụng trong mô hình trồng rau ăn lá thủy canh màng mỏng dinh dưỡng tuần hoàn NFT là:

A. Nhà mái che với các thiết bị cảm biến, điều khiển các yếu tố nhiệt độ, cường độ chiếu sáng, độ ẩm không khí.

B. Hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng NFT

C. Giống xà lách chất lượng cao.

D. Cả 3 đáp án trên

2. THÔNG HIỂU (8 câu)

**Câu 1:**Công nghệ thứ hai được áp dụng trong mô hình trồng rau ăn lá thủy canh màng mỏng dinh dưỡng tuần hoàn NFT là:

A. Nhà mái che với các thiết bị cảm biến, điều khiển các yếu tố nhiệt độ, cường độ chiếu sáng, độ ẩm không khí.

B. Hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng NFT

C. Giống xà lách chất lượng cao.

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:**Công nghệ thứ ba được áp dụng trong mô hình trồng rau ăn lá thủy canh màng mỏng dinh dưỡng tuần hoàn NFT là:

A. Nhà mái che với các thiết bị cảm biến, điều khiển các yếu tố nhiệt độ, cường độ chiếu sáng, độ ẩm không khí.

B. Hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng NFT

C. Giống xà lách chất lượng cao.

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3:**Mô hình trồng rau ăn quả trên giá thể tưới nhỏ giọt áp dụng mấy công nghệ?

A. 1

B. 3

C. 5

D. 7

**Câu 4:**Công nghệ đầu tiên được áp dụng trong mô hình trồng rau ăn quả trên giá thể tưới nhỏ giọt là:

A. Nhà mái che với các cảm biến, điều khiển nhiệt độ, cường độ chiếu sáng, độ ẩm không khí.

B. Hệ thống tưới nhỏ giọt

C. Giá thể trồng cây

D. Dung dịch dinh dưỡng

**Câu 5:**Công nghệ thứ hai được áp dụng trong mô hình trồng rau ăn quả trên giá thể tưới nhỏ giọt là:

A. Nhà mái che với các cảm biến, điều khiển nhiệt độ, cường độ chiếu sáng, độ ẩm không khí.

B. Hệ thống tưới nhỏ giọt

C. Giá thể trồng cây

D. Dung dịch dinh dưỡng

**Câu 6:**Đâu là đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao?

A. Trồng trọt công nghệ cao là trồng trọt được ứng dụng kết hợp thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, nhằm nâng cao hiệu quả, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm trồng trọt, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của xã hội và đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững.

B. Một số công nghệ cao được ứng dụng nhiều trong trồng trọt như cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ nhà kính trong trồng trọt, công nghệ lót, các quy trình canh tác tiên tiến cho hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị sản xuất,...

C. Cả A và B đúng

D. Đáp án khác

**Câu 7:**Đâu là phạm vi áp dụng của mô hình trồng rau ăn quả trên giá thể tưới nhỏ giọt?

A. Trồng rau ăn lá như xà lách, cải ngọt, rau muống, rau thơm

B. Trồng các loại rau ăn quả như dưa chuột, dưa lưới, cà chua,ớt ngọt...

C. Trồng cà rốt, ớt

D. Trồng các loại cây ăn quả

**Câu 8:**Xác định NFT là tên của mô hình trồng trọt công nghệ cao nào?

A. Mô hình trồng rau ăn lá thuỷ canh màng mỏng dinh dưỡng tuần hoàn

B. Mô hình trồng rau ăn quả trên giá thể tưới nhỏ giọt

C. Mô hình trồng cà rốt ứng dụng công nghệ cơ giới hoá và tự động hoá

D. Không có đáp án đúng

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Xác định đâu là tên mô hình trồng trọt ứng dụng công nghệ cao ở nước ta?

A. Mô hình trồng rau thủy canh.

B. Công nghệ nhà kính trong trồng trọt.

C. Công nghệ tưới nước tự động, tiết kiệm.

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:**Xác định: trồng xà lách sử dụng ánh sáng LED đơn sắc rút ngắn thời gian bao nhiêu ngày so với ánh sáng tự nhiên?

A. 14 ngày

B. 10 ngày

C. 5 ngày

D. 20 ngày

## BÀI 21: CÔNG NGHỆ TRỒNG CÂY KHÔNG DÙNG ĐẤT

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (6 CÂU)

**Câu 1:**Chương trình giới thiệu mấy hệ thống trồng cây không dùng đất?

A. 1

B. 3

C. 5

D. 7

**Câu 2:**Hệ thống trồng cây không dùng đất đầu tiên được giới thiệu là:

A. Hệ thống trồng cây trên giá thể tưới nhỏ giọt

B. Hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng

C. Hệ thống thủy canh thủy triều

D. Hệ thống thủy canh tĩnh

**Câu 3:**Hệ thống trồng cây không dùng đất thứ hai được giới thiệu là:

A. Hệ thống trồng cây trên giá thể tưới nhỏ giọt

B. Hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng

C. Hệ thống thủy canh thủy triều

D. Hệ thống thủy canh tĩnh

**Câu 4:**Hệ thống trồng cây không dùng đất thứ ba được giới thiệu là:

A. Hệ thống trồng cây trên giá thể tưới nhỏ giọt

B. Hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng

C. Hệ thống thủy canh thủy triều

D. Hệ thống thủy canh tĩnh

**Câu 5:**Hệ thống trồng cây không dùng đất thứ tư được giới thiệu là:

A. Hệ thống trồng cây trên giá thể tưới nhỏ giọt

B. Hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng

C. Hệ thống thủy canh thủy triều

D. Hệ thống thủy canh tĩnh

**Câu 6:**Hệ thống trồng cây trên giá thể tưới nhỏ giọt áp dụng với đối tượng cây trồng nào?

A. Các loại rau ăn quả, hoa, cây cảnh trồng chậu.

B. Các loại cây có hình thái thân, lá nhỏ như rau ăn lá

C. Các loại cây có thời gian sinh trưởng ngắn như rau ăn lá, dâu tây, hoa thời vụ

D. Một số loại rau ăn lá ngắn ngày, cây cành nhỏ trồng trong nhà

2. THÔNG HIỂU (8 câu)

**Câu 1:**Hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng áp dụng với đối tượng cây trồng nào?

A. Các loại rau ăn quả, hoa, cây cảnh trồng chậu.

B. Các loại cây có hình thái thân, lá nhỏ như rau ăn lá

C. Các loại cây có thời gian sinh trưởng ngắn như rau ăn lá, dâu tây, hoa thời vụ

D. Một số loại rau ăn lá ngắn ngày, cây cành nhỏ trồng trong nhà

**Câu 2:**Hệ thống thủy canh thủy triều áp dụng với đối tượng cây trồng nào?

A. Các loại rau ăn quả, hoa, cây cảnh trồng chậu.

B. Các loại cây có hình thái thân, lá nhỏ như rau ăn lá

C. Các loại cây có thời gian sinh trưởng ngắn như rau ăn lá, dâu tây, hoa thời vụ

D. Một số loại rau ăn lá ngắn ngày, cây cành nhỏ trồng trong nhà

**Câu 3:**Hệ thống thủy canh tĩnh áp dụng với đối tượng cây trồng nào?

A. Các loại rau ăn quả, hoa, cây cảnh trồng chậu.

B. Các loại cây có hình thái thân, lá nhỏ như rau ăn lá

C. Các loại cây có thời gian sinh trưởng ngắn như rau ăn lá, dâu tây, hoa thời vụ

D. Một số loại rau ăn lá ngắn ngày, cây cành nhỏ trồng trong nhà

**Câu 4:**Quy trình trồng rau thủy canh tĩnh gồm mấy bước?

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

**Câu 5:**Bước đầu tiên của quy trình trồng rau thủy canh tĩnh là:

A. Pha dung dịch dinh dưỡng

B. Điều chỉnh dung dịch dinh dưỡng

C. Đục lỗ trên nắp thùng xốp

D. Làm ướt giá thể

**Câu 6:**Bước thứ hai của quy trình trồng rau thủy canh tĩnh là:

A. Pha dung dịch dinh dưỡng

B. Điều chỉnh dung dịch dinh dưỡng

C. Đục lỗ trên nắp thùng xốp

D. Làm ướt giá thể

**Câu 7:**Bước thứ ba của quy trình trồng rau thủy canh tĩnh là:

A. Pha dung dịch dinh dưỡng

B. Điều chỉnh dung dịch dinh dưỡng

C. Đục lỗ trên nắp thùng xốp

D. Làm ướt giá thể

**Câu 8:**Bước thứ tư của quy trình trồng rau thủy canh tĩnh là:

A. Pha dung dịch dinh dưỡng

B. Điều chỉnh dung dịch dinh dưỡng

C. Đục lỗ trên nắp thùng xốp

D. Làm ướt giá thể

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Loạt vật liệu nào có thể sử dụng làm giá thể trồng cây?

A. Mút xốp

B. Bọt đá núi lửa

C. Xơ dừa

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:**Loại giá thể nào được dùng trong công nghệ trồng cây không dùng đất hệ thống màng mỏng dinh dưỡng?

A. Mút xốp, trấu hun

B. Xơ dừa, trấu hun

C. Mút xốp, bọt vụn đá lửa

D. Trấu hun, len đá

# CHỦ ĐỀ 8: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG TRỒNG TRỌT

## BÀI 22: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG TRỒNG TRỌT

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (6 CÂU)

**Câu 1:**Thế nào là ô nhiễm môi trường trong trồng trọt?

A. Là sự thay đổi tính chất của môi trường nước, không khí theo chiều hướng xấu.

B. Các chất độc hại vượt quá ngưỡng cho phép gây hại cho con người và hệ sinh thái.

C. Là sự thay đổi tính chất của môi trường đất theo chiều hướng xấu.

D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 2:**Ô nhiễm môi trường đã gây ra những ảnh hưởng nào?

A. Ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người: gây ra các bệnh về hô hấp, tiêu hoá,...

B. Ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản do mất vệ sinh an toàn thực phẩm

C. Ảnh hưởng đến thu nhập của người sản xuất do nông sản bị giảm năng suất và chất lượng

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3:**Xác định có bao nhiêu nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường?

A. 5

B. 4

C. 3

D. 6

**Câu 4:**Ô nhiễm môi trường trong trồng trọt là sự ô nhiễm:

A. Đất

B. Nước

C. Không khí

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5:**Đâu là biểu hiện của ô nhiễm trong trồng trọt?

A. Đất trồng bị thoái hóa

B. Đất trồng và nguồn nước bị nhiễm độc tố và vi sinh vật có hại

C. Không khí bị nhiễm khói, bụi và các khí độc

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 6:**Nguyên nhân đầu tiên được đề cập đến gây ô nhiễm môi trường trồng trọt là:

A. Sử dụng phân bón hóa học không đúng cách

B. Sử dụng phân bắc, phân chuồng tươi không qua xử lí

C. Lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất

D. Rác thải nguy hại trong trồng trọt thải trực tiếp ra môi trường

2. THÔNG HIỂU (8 câu)

**Câu 1:**Đâu không phải biểu hiện của đất trồng bị thoái hóa:

A. Đất axit hóa

B. Đất kiềm hóa

C. Chứa tồn dư thuốc bảo vệ thực vật

D. Mặn hóa

**Câu 2:**Đâu là biểu hiện của đất trồng bị nhiễm độc tố?

A. Đất axit hóa

B. Đất kiềm hóa

C. Chứa tồn dư thuốc bảo vệ thực vật

D. Mặn hóa

**Câu 3:**Nguyên nhân thứ hai được đề cập đến gây ô nhiễm môi trường trồng trọt là:

A. Sử dụng phân bón hóa học không đúng cách

B. Sử dụng phân bắc, phân chuồng tươi không qua xử lí

C. Lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất

D. Rác thải nguy hại trong trồng trọt thải trực tiếp ra môi trường

**Câu 4:**Nguyên nhân thứ ba được đề cập đến gây ô nhiễm môi trường trồng trọt là:

A. Sử dụng phân bón hóa học không đúng cách

B. Sử dụng phân bắc, phân chuồng tươi không qua xử lí

C. Lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất

D. Rác thải nguy hại trong trồng trọt thải trực tiếp ra môi trường

**Câu 5:**Nguyên nhân thứ tư được đề cập đến gây ô nhiễm môi trường trồng trọt là:

A. Sử dụng phân bón hóa học không đúng cách

B. Sử dụng phân bắc, phân chuồng tươi không qua xử lí

C. Lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất

D. Rác thải nguy hại trong trồng trọt thải trực tiếp ra môi trường

**Câu 6:**Nguyên nhân thứ năm được đề cập đến gây ô nhiễm môi trường trồng trọt là:

A. Phụ phẩm trong trồng trọt khong được xử lí

B. Sử dụng phân bắc, phân chuồng tươi không qua xử lí

C. Lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất

D. Rác thải nguy hại trong trồng trọt thải trực tiếp ra môi trường

**Câu 7:**Giải pháp đầu tiên trong việc bảo vệ môi trường trồng trọt là:

A. Nâng cao nhận thức của người dân

B. Quản lí chặt chẽ việc nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng hóa chất

C. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình trồng trọt

D. Theo dõi thường xuyên các chỉ số ô nhiễm môi trường

**Câu 8:**Có mấy giải pháp để bảo vệ môi trường trong trồng trọt?

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Đâu là biểu hiện của ô nhiễm môi trường?

A. Không khí bị nhiễm khói, bụi và các khí độc (CH4, H₂S,...)

B. Đất trồng bị thoái hoá (axit hoá, kiềm hóa, mặn hoá, bạc màu, chặt, bí,...)

C. Đất trồng và nguồn nước (nước ngầm, nước mặt) bị nhiễm độc tố (tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng, phân bón, hoá chất,...) và vi sinh vật có hại

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:**Cho biết: Tính đến năm 2018, Việt Nam có khoảng bao nhiêu triệu ha diện tích đất trồng?

A. Trên 27,3 triệu ha

B. Trên 2,73 triệu ha

C. khoảng 26,3 triệu ha

D. Trên 25 triệu ha

## BÀI 23: CÔNG NGHỆ VI SINH TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ XỬ LÍ CHẤT THẢI TRỒNG TRỌT

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (6 CÂU)

**Câu 1:**Có mấy ứng dụng công nghệ vi sinh trong bảo vệ môi trường trồng trọt?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**Bước đầu tiên của quy trình xử lí phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi là:

A. Chuẩn bị phụ phẩm

B. Chuẩn bị dụng cụ ủ

C. Phối trộn nguyên liệu

D. ủ

**Câu 3:**Bước thứ hai của quy trình xử lí phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi là:

A. Chuẩn bị phụ phẩm

B. Chuẩn bị dụng cụ ủ

C. Phối trộn nguyên liệu

D. ủ

**Câu 4:**Bước thứ ba của quy trình xử lí phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi là:

A. Chuẩn bị phụ phẩm

B. Chuẩn bị dụng cụ ủ

C. Phối trộn nguyên liệu

D. ủ

**Câu 5:**Bước thứ tư của quy trình xử lí phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi là:

A. Chuẩn bị phụ phẩm

B. Chuẩn bị dụng cụ ủ

C. Phối trộn nguyên liệu

D. ủ

**Câu 6:**Bước thứ năm của quy trình xử lí phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi là:

A. Thức ăn thành phần cho gia súc

B. Chuẩn bị dụng cụ ủ

C. Phối trộn nguyên liệu

D. ủ

2. THÔNG HIỂU (8 câu)

**Câu 1:**Quy trình ủ chua phụ phẩm trồng trọt thành thức ăn cho trâu, bò gồm mấy bước?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**Bước đầu tiên của quy trình ủ chua phụ phẩm trồng trọt thành thức ăn cho trâu, bò là:

A. Làm sạch phụ phẩm

B. Phối trộn nguyên liệu

C. Ủ nguyên liệu

D. Kiểm tra thành phần thức ăn ủ chua

**Câu 3:**Bước thứ hai của quy trình ủ chua phụ phẩm trồng trọt thành thức ăn cho trâu, bò là:

A. Làm sạch phụ phẩm

B. Phối trộn nguyên liệu

C. Ủ nguyên liệu

D. Kiểm tra thành phần thức ăn ủ chua

**Câu 4:**Xác định: Các chất dinh dưỡng trong đất được giữ lại ở đâu?

A. Keo đất

B. Keo đất và dung dịch đất.

C. Dung dịch đất.

D. Tất cả các loại hạt có trong đất.

**Câu 5:**Đâu là ứng dụng công nghệ vi sinh xử lí chất thải trồng trọt?

A. Ứng dụng chế phẩm vi sinh xử lí phụ phẩm trồng trọt làm phân bón cho cây trồng

B. Ứng dụng chế phẩm vi sinh xử lí phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 6:**Có mấy ứng dụng công nghệ vi sinh xử lí chất thải trồng trọt?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 7:**Xử lí đất bằng chế phẩm vi sinh vào thời điểm nào?

A. Trước khi trồng

B. Sau khi trồng

C. Trước hoặc sau khi trồng

D. Đáp án khác

**Câu 8:**Chế phẩm vi sinh sản xuất dưới dạng:

A. Bột

B. Lỏng

C. Bột hoặc lỏng

D. Đáp án khác

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Trong hoạt động bảo vệ môi trường trồng trọt có những công nghệ vi sinh nào được ứng dụng?

A. Ứng dụng chế phẩm vi sinh để cải tạo và bảo vệ đất trồng

B. Ứng dụng chế phẩm vi sinh để cải tạo và bảo vệ môi trường nước

C. Ứng dụng chế phẩm vi sinh xử lý phụ phẩm trồng trọt làm phân bón cho cây trồng

D. A và B đúng

**Câu 2:**Cho biết: Phản ứng của dung dịch đất do yếu tố nào quyết định?

A. Nồng độ H+ và OH-

B. Nồng độ bazơ

C. Nồng độ Na+

D. Nồng độ axit

## ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 5: PHÒNG TRỪ SÂU, BỆNH HẠI CÂY TRỒNG

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (6 CÂU)

**Câu 1:**Sâu bệnh ảnh hưởng đến đời sống cây trồng như thế nào?

A. Giảm năng suất

B. Giảm chất lượng

C. Giảm tính thẩm mĩ

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:**Nội dung của biện pháp canh tác là:

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

**Câu 3:**Nội dung của biện pháp cơ giới, vật lí là:

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

**Câu 4:**Nội dung của biện pháp sử dụng giống chống chịu sâu, bệnh là:

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

**Câu 5:**Nội dung của biện pháp sinh học là:

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

**Câu 6:**Có mấy nguyên lí chính trong phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

2. THÔNG HIỂU (8 câu)

**Câu 1:**Nguyên lí đầu tiên trong phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng là:

A. Trồng cây khỏe

B. Bảo tồn thiên địch

C. Thường xuyên thăm đồng ruộng

D. Nông dân trở thành chuyên gia

**Câu 2:**Nguyên lí thứ hai trong phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng là:

A. Trồng cây khỏe

B. Bảo tồn thiên địch

C. Thường xuyên thăm đồng ruộng

D. Nông dân trở thành chuyên gia

**Câu 3:**Nguyên lí thứ ba trong phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng là:

A. Trồng cây khỏe

B. Bảo tồn thiên địch

C. Thường xuyên thăm đồng ruộng

D. Nông dân trở thành chuyên gia

**Câu 4:**Nguyên lí thứ tư trong phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây trồng là:

A. Trồng cây khỏe

B. Bảo tồn thiên địch

C. Thường xuyên thăm đồng ruộng

D. Nông dân trở thành chuyên gia

**Câu 5:**Nhược điểm của biện pháp sử dụng giống chống chịu sâu, bệnh là:

A. Số lượng giống còn hạn chế

B. Gây hại cho sức khỏe con người

C. Gây ô nhiễm môi trường

D. Tăng chi phí phòng trừ sâu, bệnh

**Câu 6:**Xác định biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại nào sử dụng các loại côn trùng?

A. Cơ giới, vật lý

B. Sinh học

C. Canh tác

D. Sử dụng giống chống chịu

**Câu 7:**Bệnh nào không là bệnh hại cây trồng thường gặp?

A. Bệnh xoăn vàng lá cà chua

B. Bệnh đạo ôn hại lúa

C. Bệnh vàng lá gân xanh hại cam

D. Bệnh xoắn đỏ lá cà chua

**Câu 8:**Xác định thời gian phát triển của sâu non cuốn là là bao nhiêu ngày?

A. 15 – 28 ngày

B. 10 – 18 ngày

C. 25 – 28 ngày

D. 5 – 8 ngày

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Đâu KHÔNG là tên giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại?

A. Lúa CP10

B. Ngô nếp lai HN88

C. Cà phê TR4

D. Cà chua CV9

**Câu 2:**Xác định: Hoạt động làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí là những công việc thuộc biện pháp nào?

A. Cơ giới vật lý

B. Canh tác

C. Sử dụng giống chống chịu sâu, bệnh

D. Sinh học

## ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 6: KĨ THUẬT TRỒNG TRỌT

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

**Câu 1:** Quy trình chế biến dưa chuột bao tử dầm giấm gồm mấy bước?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 2:**  Bước đầu tiên của quy trình chế biến dưa chuột bao tử dầm giấm là:

A. Rửa sạch dưa, ngâm nước muối.

B. Bóc vỏ hành, tỏi; gừng bỏ vỏ và cắt lát; ớt cắt lát, thì là cắt khúc

C. Hòa đường, muối, giấm trong nước; cho hành, tỏi, thì là, ớt, gừng vào ngâm

D. Cho dưa chuột đã sơ chế vào lọ, dổ ngập hỗn hợp nước đã trộn vào, đậy nắp, sử dụng sau 4 – 5 ngày.

**Câu 3:** Bước thứ hai của quy trình chế biến dưa chuột bao tử dầm giấm là:

A. Rửa sạch dưa, ngâm nước muối.

B. Bóc vỏ hành, tỏi; gừng bỏ vỏ và cắt lát; ớt cắt lát, thì là cắt khúc

C. Hòa đường, muối, giấm trong nước; cho hành, tỏi, thì là, ớt, gừng vào ngâm

D. Cho dưa chuột đã sơ chế vào lọ, dổ ngập hỗn hợp nước đã trộn vào, đậy nắp, sử dụng sau 4 – 5 ngày.

**Câu 4:** Bước thứ ba của quy trình chế biến dưa chuột bao tử dầm giấm là:

A. Rửa sạch dưa, ngâm nước muối.

B. Bóc vỏ hành, tỏi; gừng bỏ vỏ và cắt lát; ớt cắt lát, thì là cắt khúc

C. Hòa đường, muối, giấm trong nước; cho hành, tỏi, thì là, ớt, gừng vào ngâm

D. Cho dưa chuột đã sơ chế vào lọ, dổ ngập hỗn hợp nước đã trộn vào, đậy nắp, sử dụng sau 4 – 5 ngày.

**Câu 5:** Bước thứ tư của quy trình chế biến dưa chuột bao tử dầm giấm là:

A. Rửa sạch dưa, ngâm nước muối.

B. Bóc vỏ hành, tỏi; gừng bỏ vỏ và cắt lát; ớt cắt lát, thì là cắt khúc

C. Hòa đường, muối, giấm trong nước; cho hành, tỏi, thì là, ớt, gừng vào ngâm

D. Cho dưa chuột đã sơ chế vào lọ, dổ ngập hỗn hợp nước đã trộn vào, đậy nắp, sử dụng sau 4 – 5 ngày.

**Câu 6:** Có mấy kiểu giàn trồng cây?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 7:** Quy trình trồng cam gồm mấy bước?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 8:** Bước đầu tiên của quy trình trồng cam là:

A. Đào hố trồng

B. Bón phân lót

C. Trồng cây

D. Tưới nước

**Câu 9:** Bước thứ hai của quy trình trồng cam là:

A. Đào hố trồng

B. Bón phân lót

C. Trồng cây

D. Tưới nước

**Câu 10:** Bước thứ ba của quy trình trồng cam là:

A. Đào hố trồng

B. Bón phân lót

C. Trồng cây

D. Tưới nước

### 2. THÔNG HIỂU (7 CÂU)

**Câu 1:** Khi thu hoạch cây trồng cần lưu ý những điều nào?

A. Thu hoạch đúng thời điểm và đúng cách tuỳ từng loại cây trồng.

B. Khi thu hoạch tránh gây ra các vết thương cơ giới trên sản phẩm.

C. Thu hoạch khi đủ thời gian gieo trồng.

D. A và B đúng

**Câu 2:** Nội dung công việc cần thực hiện khi tiến hành cày bừa đất là?

A. Cày, bừa làm nhỏ và tơi xốp đất.

B. Dọn sạch cỏ dại và các vật thể cứng ở trong đất (gạch, đá,...) trên lớp đất mặt.

C. Cả A và B đúng

D. Đáp án khác

**Câu 3:** Bón phân lót được thực hiện ở giai đoạn nào trong quy trình trồng trọt?

A. Làm đất, bón phân

B. Gieo hạt, trồng cây

C. Thu hoạch

D. Chăm sóc

**Câu 4:** Có mấy hình thức bón thúc cây trồng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 5:** Cho biết công việc nào không là công việc trong quá trình chăm sóc cây trồng?

A. Bón thúc

B. Tỉa cành

C. Bón lót

D. Bấm ngọn

**Câu 6:** Quy trình trồng trọt được chia làm mấy giai đoạn?

A. 3

B. 4

C.5

D. 6

**Câu 7:** Máy gieo hạt được sử dụng trong quy trình trồng trọt thể thể hiện cơ giới hóa trong giai đoạn nào?

A. Cơ giới hóa trong thu hoạch

B. Cơ giới hóa trong chăm sóc:

C. Cơ giới hóa trong gieo trồng

D. Cơ giới hóa trong làm đất

### 3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

**Câu 1:** Xác định đâu là máy móc được ứng dụng cơ giới hóa trong chăm sóc cây trồng?

A. Cơ giới hóa trong thu hoạch.

B. Cơ giới hóa trong chăm sóc.

C. Cơ giới hóa trong gieo trồng.

D. Cơ giới hóa trong làm đất.

**Câu 2:** Xác định đâu là máy móc được ứng dụng cơ giới hóa trong chăm sóc cây trồng?

A. Máy làm đất, lên luống.

B. Máy gieo hạt, trồng cây.

C. Máy phun thuốc và cắt tỉa.

D. Máy chế biến.

**Câu 3:** Xác định: Cell Alive System là tên công nghệ bảo quản nào?

A. Công nghệ bảo quản trong điều kiện khí quyển biến đổi.

B. Công nghệ đông lạnh làm sống tế bào.

C. Công nghệ bảo quản trong điều kiện khí quyển được kiểm soát.

D. Không có đáp án đúng.

## ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 7: TRỒNG TRỌT CÔNG NGHỆ CAO

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (6 CÂU)

**Câu 1:**Bước thứ năm của quy trình trồng rau thủy canh tĩnh là:

A. Cho trấu hun hoặc xơ dừa, mút xốp ướt vào rọ

B. Đặt cây vào giữa rọ

C. Đặt nắp thùng xốp có các rọ trồng cây đậy kín miệng thùng

D. Theo dõi sinh trưởng, bổ sung dung dịch dinh dưỡng nếu cần.

**Câu 2:**Bước thứ sáu của quy trình trồng rau thủy canh tĩnh là:

A. Cho trấu hun hoặc xơ dừa, mút xốp ướt vào rọ

B. Đặt cây vào giữa rọ

C. Đặt nắp thùng xốp có các rọ trồng cây đậy kín miệng thùng

D. Theo dõi sinh trưởng, bổ sung dung dịch dinh dưỡng nếu cần.

**Câu 3:**Bước thứ bảy của quy trình trồng rau thủy canh tĩnh là:

A. Cho trấu hun hoặc xơ dừa, mút xốp ướt vào rọ

B. Đặt cây vào giữa rọ

C. Đặt nắp thùng xốp có các rọ trồng cây đậy kín miệng thùng

D. Theo dõi sinh trưởng, bổ sung dung dịch dinh dưỡng nếu cần.

**Câu 4:**Bước thứ tám của quy trình trồng rau thủy canh tĩnh là:

A. Cho trấu hun hoặc xơ dừa, mút xốp ướt vào rọ

B. Đặt cây vào giữa rọ

C. Đặt nắp thùng xốp có các rọ trồng cây đậy kín miệng thùng

D. Theo dõi sinh trưởng, bổ sung dung dịch dinh dưỡng nếu cần.

**Câu 5:**Đâu là đặc trưng của trồng trọt công nghệ cao?

A. Năng suất và chất lượng tương đương canh tác truyền thống

B. Tất cả các khâu đều phải cơ giới hoá

C. Áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, cơ giới hoá, tự động hóa...

D. Mức đầu tư thấp

**Câu 6:**Đâu là ưu điểm của phương pháp trồng cây không dùng đất?

A. Dễ tăng mật độ trồng.

B. Tận dụng được diện tích ở nhà phố (ban công, sân thượng....) để trồng cây.

C. Giảm sử dụng thuốc trừ sâu, bệnh và cỏ.

D. Cả 3 đáp án trên.

2. THÔNG HIỂU (8 câu)

**Câu 1:**Công nghệ áp dụng của mô hình trồng rau ăn lá thuỷ canh màng mỏng dinh dưỡng tuần hoàn NFT là?

A. Nhà mái che với các thiết bị cảm biến, điều khiển các yếu tố nhiệt độ, cường độ chiếu sáng, độ ẩm không khí.

B. Hệ thống thuỷ canh màng mỏng dinh dưỡng NFT.

C. Giống xà lách chất lượng cao.

D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 2:**Đâu không là công nghệ áp dụng của mô hình trồng rau ăn quả trên giá thể tưới nhỏ giọt?

A. Dung dịch dinh dưỡng.

B. Giống xà lách chất lượng cao.

C. Giống rau ăn quả chất lượng cao, chuyên dùng cho sản xuất trong nhà mái che

D. Hệ thống tưới nhỏ giọt ở Giá thể trồng cây

**Câu 3:**Giá thể là?

A. Một hay hỗn hợp nhiều vật liệu tạo độ thông thoáng và giữ được nước tốt tuy theo yêu của cầu phương pháp trồng cây không dùng đất

B. Giá thể trồng cây dùng đất là vật liệu giúp bộ rễ cây phát triển thuận lợi.

C. A và B đúng

D. Đáp án khác

**Câu 4:**Đâu là ưu điểm của hệ thống thủy canh tĩnh?

A. Dễ làm, chi phí thấp

B. Bộ rễ được phát triển trong môi trường không khí giàu oxygen

C. Tái sử dụng dinh dưỡng dư thừa nên tiết kiệm được dinh dưỡng và hạn chế ô nhiễm môi trường.

D. Tiết kiệm nước và dung dịch dinh dưỡng, cung cấp nước và dinh dưỡng cho cây

**Câu 5:**Đâu là nhược điểm chung của biện pháp trồng cây không dùng đất?

A. Chi phí đầu tư lớn

B. Yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao

C. Nguồn vật liệu, thiết bị, máy móc phục vụ trồng trọt còn hạn chế

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 6:**Đâu là nguyên lí hoạt động của hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng?

A. Bơm đo đồng hồ giờ hẹn giờ điều khiển, hút dung dịch dinh dưỡng từ bể chứa qua bộ lọc, vào hệ thống ống dẫn và đi qua các bạn nhỏ giọt đến từng cây

B. Bơm đo đồng hồ giờ hẹn giờ điều khiển, hút dung dịch dinh dưỡng từ bể chứa qua bộ lọc vào các mảng tạo thành dòng chảy dung dịch dinh dưỡng qua bộ rễ của từng cây

C. Đồng hồ hẹn giờ bơm dung dịch dinh dưỡng tự động vào bốn chứa các chậu giá thể trồng cây. Khi mực nước cao hơn ống thoát trận sẽ chảy hồi lưu về bể chứa

D. Đáp án khác

**Câu 7:**Công nghệ thứ ba được áp dụng trong mô hình trồng rau ăn quả trên giá thể tưới nhỏ giọt là:

A. Nhà mái che với các cảm biến, điều khiển nhiệt độ, cường độ chiếu sáng, độ ẩm không khí.

B. Hệ thống tưới nhỏ giọt

C. Giá thể trồng cây

D. Dung dịch dinh dưỡng

**Câu 8:**Công nghệ thứ tư được áp dụng trong mô hình trồng rau ăn quả trên giá thể tưới nhỏ giọt là:

A. Nhà mái che với các cảm biến, điều khiển nhiệt độ, cường độ chiếu sáng, độ ẩm không khí.

B. Hệ thống tưới nhỏ giọt

C. Giá thể trồng cây

D. Dung dịch dinh dưỡng

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Xác định đâu là tên mô hình trồng trọt ứng dụng công nghệ cao ở nước ta?

A. Mô hình trồng rau thủy canh.

B. Công nghệ nhà kính trong trồng trọt.

C. Công nghệ tưới nước tự động, tiết kiệm

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:**Xác định: Đối tượng cây trồng áp dụng cho một số loại rau ăn lá ngắn ngày, cây cảnh nhỏ trồng trong nhà (cỏ lan chỉ, phú quý, hồng môn,...). Thuộc về phương pháp trồng trọt công nghệ cao nào?

A. Hệ thống thuỷ canh tĩnh

B. Hệ thống khí canh

C. Hệ thống thuỷ canh thuỷ triều

D. Hệ thống thuỷ canh màng mỏng dinh dưỡng

## ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 8: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG TRỒNG TRỌT

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. NHẬN BIẾT (6 CÂU)

**Câu 1:**Bước thứ ba của quy trình ủ chua phụ phẩm trồng trọt thành thức ăn cho trâu, bò là:

A. Làm sạch phụ phẩm

B. Phối trộn nguyên liệu

C. Ủ nguyên liệu

D. Kiểm tra thành phần thức ăn ủ chua

**Câu 2:**Bước thứ tư của quy trình ủ chua phụ phẩm trồng trọt thành thức ăn cho trâu, bò là:

A. Làm sạch phụ phẩm

B. Phối trộn nguyên liệu

C. Ủ nguyên liệu

D. Kiểm tra thành phần thức ăn ủ chua

**Câu 3:**Chất thải trồng trọt được chia làm mấy loại?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 4:**Vấn đề ô nhiễm môi trường trong trồng trọt ảnh hưởng đến:

A. Sức khỏe con người

B. Xuất khẩu nông sản

C. Thu nhập của người sản xuất

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5:**Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người như thế nào?

A. Gây ra bệnh về hô hấp

B. Gây ra bệnh về tiêu hóa

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 6:**Sử dụng phân bón hóa học như thế nào gây ô nhiễm môi trường?

A. Không đúng cách

B. Quá liều lượng quy định

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

2. THÔNG HIỂU (8 câu)

**Câu 1:**ông việc của kĩ sư môi trường là gì?

A. Nghiên cứu công nghệ, kĩ thuật xử lí môi trường

B. Thiết kế các quy trình, máy móc xử lí ô nhiễm

C. Đánh giá và xử lí ô nhiễm tại khu vực bị ô nhiễm

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 2:**Tác dụng của chế phẩm vi sinh là:

A. Cải tạo đất

B. Nâng cao độ phì nhiêu của đất

C. Cả A và B đều đúng

D. Đáp án khác

**Câu 3:**Người ta xử lí nước với chế phẩm vi sinh bằng cách nào?

A. Rắc xuống nước

B. Đổ chế phẩm trực tiếp xuống nước

C. Cả A và B đều đúng

D. Đáp án khác

**Câu 4:**Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến:

A. Đời sống

B. Kinh tế

C. Xã hội

D. Đời sống, kinh tế, xã hội

**Câu 5:**Đâu là chất thải trồng trọt?

A. Phụ phẩm

B. Rác thải

C. Phụ phẩm và rác thải

D. Đáp án khác

**Câu 6:**Cho biết: Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học đến môi trường là?

A. Thuốc bị phân huỷ trong nông sản

B. Thuốc tồn dư trong đất và đi qua các sinh vật khác cuối cùng vào con người

C. Thuốc bị phân huỷ nhanh trong môi trường

D. Sử dụng thuốc có nguồn gốc từ tự nhiên

**Câu 7:**Hãy xác định: Cần làm gì để đảm bảo an toàn khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật?

A. Chỉ sử dụng thuốc khi sâu bệnh mới phát sinh

B. Chỉ sử dụng thuốc khi sâu bệnh phát sinh thành dịch

C. Sử dụng thuốc có thời gian cách li dài

D. Sử dụng thuốc có phổ tác dụng rộng với một đối tượng sâu bệnh hại

**Câu 8:**Việc sử dụng thuốc hoá học bảo vệ thực vật có khả năng diệt trừ sâu bệnh một cách nhanh chóng và còn dẫn đến?

A. Rau màu xanh tốt, chất lượng sản phẩm được nâng cao, nhưng ô nhiễm môi trường, phá vỡ cân bằng sinh thái

B. Gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông sản, phát sinh đột biến kháng thuốc, diệt trừ quần thể sinh vật có ích. Gây bệnh hiểm nghèo cho người

C. Gây ô nhiễm đất, nước, không khí, phá vỡ cân bằng sinh thái, phát sinh những dòng đột biến có lợi. Gây bệnh cho người

D. Gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông sản, bảo vệ công trùng có ích, gây bệnh hiểm nghèo cho người

3. VẬN DỤNG (2 câu)

**Câu 1:** Đâu không phải là phụ phẩm?

A. Rơm

B. Rạ

C. Túi nylon

D. Cành cây

**Câu 2:**Diện tích đất trồng ở Việt Nam tính đến năm 2018 là:

A. 20 triệu ha

B. 27 triệu ha

C. 27,3 triệu ha

D. 20,3 triệu ha